

ĐC

326

CHUYỆN
CHƯA BIẾT

VỀ NHÀ VĂN
**NAM
CAO**

TRẦN THỊ HỒNG



NHÀ XUẤT BẢN
CÔNG AN NHÂN DÂN

Chuyện
chưa biết về

Nhà văn

**Nam
Cao**

Trần Thị Hồng

Chuyện
chưa biết về

Nhà văn
**Nam
Cao**

ĐC 326

NHÀ XUẤT BẢN CÔNG AN NHÂN DÂN



NAM CAO
(1915 - 1951)

THAY LỜI GIỚI THIỆU TÔI ĐÃ VIẾT VỀ CHA TÔI NHƯ THẾ NÀO

Cha tôi, nhà văn Nam Cao đã hy sinh cách đây hơn nửa thế kỷ. Ông để lại cho độc giả một khối lượng tác phẩm không lớn nhưng chúng đã trở thành một trong những di sản lớn trong nền văn học nước nhà. Sự nghiệp sáng tác của cha tôi không dài chỉ gói gọn trong 15 năm (1936- 1951) song giá trị văn chương luôn tỏa sáng không với cạn. Từ nhiều năm nay, con người và tác phẩm của cha tôi đã trở thành đối tượng nghiên cứu của giới nghiên cứu phê bình và của nhiều độc giả. Về vấn đề nghiên cứu thì tôi chắc chắn là "mù tịt" rồi, không dám bàn. Trong tập sách này tôi chỉ muốn nói đôi điều về cha tôi, về những người thân trong gia đình và những điều có ảnh hưởng đến sáng tác của cha tôi.

Thời gian còn học phổ thông tôi đã làm khá nhiều thơ về làng xóm, gia đình, mái trường... nhưng làm xong tôi lại cất đi cho riêng mình vì tự ti, mặc cảm. Bây giờ nghĩ lại tôi đôi lúc vẫn luẩn quẩn với ý

nghĩ, có thể ngày ấy tôi đã sai lầm trong việc chọn nghề chăng?

Học xong lớp bảy phổ thông, do hoàn cảnh gia đình, tôi không được học tiếp nữa. Rồi hòa bình lập lại ở miền Bắc, lúc ấy cần rất nhiều giáo viên để đáp ứng nhu cầu học tập của con em nhân dân lao động. Vì vậy, dù chưa qua lớp sư phạm, tôi vẫn được ngành Giáo dục tuyển dụng làm giáo viên cấp I. Sau này tôi nghĩ giá cứ tiếp tục ở trường vừa giảng dạy vừa học thêm thì biết đâu nghề dạy học chẳng giúp tôi đến gần với ước mơ văn chương. Đáng này, vừa dạy được một năm, vì không đánh giá đúng sở trường năng lực của mình, tôi đã nhất quyết xin thôi việc để xin vào một trường trung cấp kỹ thuật. Học xong, được phân công vào nhà máy làm việc một thời gian, tôi nhận ra nghề mới của mình không giúp ích gì được cho ước mơ văn chương. Dù sau này, do một sự run rủi tình cờ lại đưa tôi trở về nghề dạy học. Và trong quá trình làm việc, tuy bận chăm nuôi ba con nhỏ, tôi vẫn phấn đấu học xong đại học. Nhưng học đại học kỹ thuật nên không được học môn văn và dạy ở trường kỹ thuật nên cũng không gắn với văn chương. Rồi chiến tranh và những lo toan cơm, áo... đè nặng lên đôi vai, cứ cuốn mãi tôi đi cho tới năm 1993, tôi phải nghỉ hưu sớm một năm, bởi năm ấy: mẹ ốm nằm viện ở Hà Nội, chồng bị tai nạn giao thông phải bó bột cột sống. Con gái tôi mới sinh cháu ngoại đầu lòng. Tôi nghĩ việc nhà nước để lao vào việc gia đình,

vừa buồn, vừa vui nhưng đều cần đến thời gian cả. Vài năm sau mẹ và chồng đỡ bệnh, cháu ngoại cũng cấp hơn. Một lần tôi gặp nhà văn Lữ Huy Nguyên nhân chuyên anh về dự lễ kỷ niệm 45 năm ngày mất của cha tôi ở Nam Định năm 1996. Anh Nguyên bảo tôi: "Chị nên viết về những kỷ niệm của bác gái đối với bác trai". Tôi viết cho mẹ ít dòng gửi anh Nguyên. Sau này tôi thấy bài đó được các nhà xuất bản: Hội Nhà văn, Văn học, Giáo dục và Công an nhân dân đăng vào những tập sách có liên quan đến cha tôi. Lần khác, Nhà báo Kiến Quốc gặp tôi. Anh Quốc lại gợi ý tôi viết bài. Tôi viết bài: "Cha tôi nhà văn Nam Cao" và cũng được báo Văn nghệ trẻ đăng. Ngày tìm được mộ cha tôi đưa về quê xong, rất nhiều người đồng viên tôi viết bài kể lại. Họ cho rằng, người trong gia đình viết thông tin sẽ chính xác, đầy đủ hơn. Nhưng do tự ti nên tôi cứ lần khất mãi. Rồi được mọi người khích lệ, tôi mạnh dạn ghi lại trong bài: "Chúng tôi đi tìm mộ cha - nhà văn Nam Cao". Nhân một lần đoàn cán bộ Viện Văn học về thăm gia đình, chồng tôi đem bài viết ấy khoe với giáo sư Phong Lê. Anh Phong Lê đồng viên "Chị viết được đấy, cứ mạnh dạn viết những cái gì có thực về gia đình, người thân, nhân vật... của nhà văn Nam Cao đi". Tôi viết thêm một số bài rồi đem cất đi. Chồng tôi thấy vậy, anh trích mấy đoạn gửi cho các báo **Tiền phong Chủ nhật, Văn nghệ, Phụ nữ, Kiến thức gia đình, Thế giới mới...** và thấy đều được đăng cả.

Một lần, vợ chồng tôi gặp nhà thơ Hữu Thịnh. Anh Thịnh lại khích lệ: "Chẳng ai có thể viết về nhà văn Nam Cao chính xác hơn chị được. Chị cứ viết đi, chúng tôi sẽ ủng hộ". Nghe anh Thịnh nói vậy, tôi chợt nghĩ, có thể độc giả không đòi hỏi ở tôi những bài viết phải đạt về trình độ văn chương như người viết chuyên nghiệp. Họ cần tôi cung cấp thêm những thông tin chính xác về gia đình, người thân của cha tôi, một nhà văn họ từng yêu mến.

Nghĩ như vậy, tôi mạnh dạn viết mấy bài để đáp ứng thỉnh tình của bạn đọc, cùng tất cả những ai yêu mến cha tôi. Cũng là để tỏ lòng biết ơn đến họ.

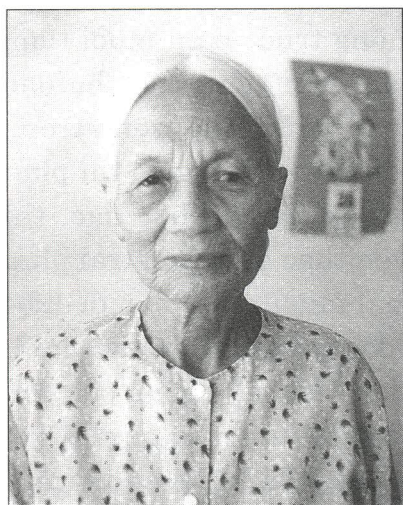
Vào dịp cuối tháng 11 năm 2005 vợ chồng tôi có dịp gặp mặt một cán bộ của Nhà xuất bản Công an nhân dân. Anh động viên chúng tôi tập hợp tất cả những bài viết hiện đang có để biên soạn thành một cuốn sách. Xuất phát từ tình cảm của gia đình chúng tôi với Nhà xuất bản Công an nhân dân từ trước chúng tôi đã giao toàn bộ bản thảo cho Nhà Xuất bản Công an nhân dân lấy tên là "**Chuyện chưa biết về nhà văn Nam Cao**". Đến hôm nay khi sách đã chuẩn bị xuất bản tôi viết mấy dòng này cũng là để cảm ơn tất cả bạn đọc xa gần, những người yêu mến cha tôi, nhà văn Nam Cao.

Nam Định ngày 16-12-2005

Trần Thị Hồng

NHỮNG DÒNG KÝ NIỆM

Trần Thị Sen⁽¹⁾ - Vợ nhà văn Nam Cao



Bà Trần Thị Sen

Tôi sinh ra trong một gia đình vào loại khá giả ở làng Đại Hoàng thuộc tổng Cao Đà, nay là xã Nhân Hậu, huyện Lý Nhân, tỉnh Nam Hà. Cha tôi xưa kia, dưới thời Pháp thuộc, làm lý trưởng, nhưng tính ông nhu nhược và hiền lành, chứ không ác độc như những cánh tổng, kỳ hào

(1) Bà Trần Thị Sen đã mất ngày 30 tháng 7 năm 2002.

khác thời bấy giờ. Cha tôi lấy tất cả năm người vợ, sinh được chín người con (ba con trai, sáu con gái). Mẹ tôi là vợ thứ ba. Những bà vợ khác để con thường bị chết non, còn mẹ tôi thì đông con; một trai, sáu gái. Tôi là con thứ tư của bà, trước tôi là ba chị gái. Tuy là con nhà khá giả, nhưng vì phận gái nên sáu chị em chúng tôi không ai được học hành, mà đều phải làm lụng từ sáng sớm đến khuya. Quê tôi có lệ tảo hôn, người ta hứa gả con cho nhau từ khi đứa trẻ còn nằm trong bụng mẹ. Phần đông lấy vợ, lấy chồng trước năm mười tuổi, và đều do cha mẹ gả bán. Chỉ riêng một họ đạo Thiên chúa giáo thì có một số luật lệ riêng trong việc kết hôn. Ví như người theo Công giáo thì phải lấy người cùng đạo, nếu lấy người khác đạo, thì người kia phải tình nguyện theo đạo. Con trai phải mười tám tuổi, con gái phải mười sáu tuổi mới được kết hôn. Những luật lệ đó và tính tình hiền lành của bố tôi có liên quan đến việc lấy chồng của tôi. Năm tôi mười tuổi, bố tôi đã nhận trâu của gia đình anh Tri (tức Nam Cao). Nhưng gia đình anh theo đạo Thiên chúa nên mãi đến năm mười bảy tuổi tôi mới về làm dâu. Tuy vậy, kể từ khi nhận trâu của nhà trai, năm nào tôi cũng phải ở hẳn nhà chồng chưa cưới một thời gian để đi lễ nhà thờ và học kinh bốn, chuẩn bị nhập đạo.

Chồng tôi hơn tôi một tuổi. Anh là con trai cả của một gia đình đông anh em, sau anh còn có bốn em trai và ba em gái. Nhà anh thuộc loại nghèo trong làng. So với các em, anh được học hành nhiều hơn cả. Năm tôi về làm dâu, chồng tôi hãy còn bà ngoại. Bà là người phụ nữ đẹp nổi tiếng ở làng, nhưng đời bà lận đận, vất vả nên tính tình đâm ra cay nghiệt, tàn tiện. Ông ngoại chồng tôi bị thua bạc, phải bỏ làng trốn đi biệt tích năm bà mới hai mươi tuổi. Năm đó bà vừa sinh được người con gái, là mẹ chồng tôi. Bà tôi đã một mình nuôi con khôn lớn, rồi kén chồng cho con, rước con rể về ở trong nhà. Lúc bà còn trẻ, có khối vị chức sắc trong làng đến tán tỉnh rồi dọa nạt nhưng chẳng ai lay chuyển được bà. Vì thế mà nhiều ông đem lòng thù ghét bà. Vậy mà bà tôi vẫn đứng vững được. Khi bà còn sống, bà quán xuyến mọi việc trong gia đình. Lũ con gái, con rể và cháu chắt chúng tôi nhất loạt phải theo lệnh bà. Cha chồng tôi rất ít sống cùng chúng tôi, ông đến phố Hàng Đàn ở Nam Định làm nghề chạm trổ và bốc thuốc bắc. Chồng tôi theo cha ra thành phố học nên cũng vắng nhà luôn. Vậy nên vợ chồng ít khi được sống gần nhau. Tôi vẫn còn nhớ như in những ngày mới cưới nhau. Do một hoàn cảnh đặc biệt là ông chú anh vừa chết, phải cưới chạy tang nên mãi tối mịt mới đón dâu. Vừa

về đến nhà chồng, tôi phải lo ngay việc chịu tang. Những ngày tiếp theo, vợ lo làm ăn suốt ngày bên khung cửi, tối xay thóc giã gạo, chồng lo học để thi. Đêm khuya bên nhau thì thảo câu chuyện bị bà tôi mắng mãi. Bà bảo: “Không ngủ đi để mai mà làm, chuyện gì mà lảm thế...”. Tuy nhà không đến nỗi nào, nhưng làm thì nhiều mà ăn thì ít. Hàng ngày bữa trưa ba lưng cơm, tối thì củ khoai củ ráy qua bữa. Tôi vốn con nhà khá giả nên lấy thế làm khó chịu lắm, thỉnh thoảng có phàn nàn với chồng tôi. Nhà tôi bảo: “Đời bà quá khổ, một thân bà phải chèo chống với mọi nỗi khó khăn ở đời, bà không tằn tiện, cay nghiệt thì làm sao vượt qua được mà sống ở cái làng này, trách bà làm gì”.

Chúng tôi cưới nhau ngày mồng hai tháng mười thì ngày mồng hai tháng chạp nhà tôi đi Nam. Lúc đi anh bảo sang tháng năm Tây anh sẽ về. Nhưng đến tháng năm anh viết thư về cho tôi: “... Tháng này là tháng năm rồi, khi đi hẹn tháng này về đấy nhỉ! Ở nhà vợ có mong không, chắc không thì phải. Vợ còn mong một cái nữa, mong tôi thi đỗ. Nói riêng với vợ là tôi không đỗ, chẳng qua chiều ý thầy u đấy thôi...”. Đó là lá thư đầu tiên anh viết cho tôi kể từ khi lấy nhau. Sau này trong ba năm anh có gửi cho tôi một số thư nữa. Có điều, anh không không bao giờ dám gửi thẳng về

nhà mà phải qua người em trai tôi tên là ĐỀ, vì sợ bà tôi mắng.

Vừa về nhà chồng được một tháng thì chồng đi xa, ở nhà sống trong cảnh bà chồng cay nghiệt, đã có lần tôi cùng cô em dâu ôm quần áo trốn đi. Sau nhờ gặp được bà dì họ, bà ấy khuyên nhủ nên lại quay về.

Nhà tôi vào Nam được đúng ba năm thì ra, do bị ốm. Lần ấy anh ốm nặng, bệnh tim và tê thấp. Trên đường về anh phải bán cả bộ quần áo để có tiền ăn đường. Khi anh về đến nhà, tôi phải bán đôi khuyên vàng là của hồi môn trong ngày cưới, và vay mượn thêm để chạy thuốc thang cho anh. Hàng năm trời bệnh mới thuyên giảm. Hai năm sau, kể từ khi anh về, tôi mới có thai đứa con đầu lòng. Thế là làm vợ năm năm, nay tôi mới sắp được làm mẹ. Tôi mang thai được hai tháng thì chồng lại đi xa, lần này anh ra Hà Nội tìm việc làm. Được ít lâu, anh nhắn tin về là đang dạy học thuê cho người anh họ mở trường tư ở Hà Nội. Cùng dạy với anh có anh Phấn, người cùng làng. Sau này khi kháng chiến bùng nổ, anh Phấn vào Nam chiến đấu. Nay anh đã nghỉ hưu và sống ở Hà Nội.

Tôi sinh con đầu lòng vào ngày 20 tháng 9 năm 1938. Lúc đó chồng tôi vắng nhà, ông nội cháu bảo, mẹ là Sen, vậy đặt tên con là Hồng. Cháu

Hồng được ba tháng thì nhà tôi về. Sau khi tôi sinh cháu xong bà tôi cho ăn riêng luôn. Tôi có con nhỏ, chả làm lụng được gì, anh cũng không có nhiều tiền bạc mang về. Để xong bị đói, tôi sốt rét hoài. Sau mẹ tôi biết được, hàng ngày phải cho em gái tôi mang cho hai nắm cơm. Nhà chồng tôi nuôi chó rất dữ nên em tôi không dám vào nhà, cứ bỏ cơm vào cái bị treo ở con sỏ trái nhà, hàng ngày tôi ra lấy vào ăn (nhà tôi và nhà chồng cách nhau có một cái rãnh nước nhỏ), từ đó mới hết sốt. Lần ấy chồng tôi ở nhà được gần một tháng, rồi lại đi, anh vẫn tiếp tục dạy học ở trường Công Thanh.

Thường thường nhà tôi hiền lắm, nhưng cũng có khi anh cục tính và ghét cờ bạc lắm. Tôi nhớ có một lần, tôi bận việc ở nhà mẹ đẻ, trưa không về ăn cơm nhà, mẹ chồng tôi tưởng tôi đi đánh bạc, nên mách với nhà tôi. Thế là khi tôi vừa về đến nhà, anh chạy sầm sầm ra, mặt đỏ tía tai quát âm lên. Tôi cãi lại, anh dùng dùng chạy vào buồng, đóng cánh cửa lại rồi đập phá âm âm trong đó. Mẹ chồng tôi thấy vậy thì hốt hoảng, đứng ngoài cửa năn nỉ: “Con ơi, mẹ van con, mẹ lạy con, con đừng làm thế! Có gì thì con bảo nó thôi...”. Lần ấy chúng tôi giận nhau mãi tới lúc tôi chứng minh được rằng tôi đi công việc làm ăn, chứ không phải để cờ bạc, chồng tôi mới thôi.

Tôi sinh con thứ hai vào ngày 29 tết năm 1940, thời gian này nhà tôi đang nghỉ ở nhà, anh đặt tên con là Thiên. Riêng cái chuyện đặt tên cho con cũng buồn cười. Chả là cùng năm đó, người anh họ nhà tôi cũng sinh cháu trai, anh đặt tên cho cháu là Hoàng. Nhà tôi bảo: “Hoàng tức là vua, con anh là vua, tôi sẽ đặt tên con tôi là Thiên, Thiên tức là trời, trời còn hơn vua!”. Rồi hai người cười vang cả nhà.

Sau năm tôi sinh con thứ hai, nhà trở nên chật chội vì đông người. Gia đình muốn chúng tôi ở riêng. Giữa lúc đang bí, thì có một anh tên là Luân muốn bán ngôi nhà tranh ở xóm 5 để đi làm ăn xa (chúng tôi ở xóm 8). Tôi bàn với nhà tôi: “Chúng mình ăn riêng đã lâu rồi, ở mãi với thầy u cũng phức tạp. Vợ chồng mình kiếm tiền mua cái nhà của anh Luân mà ở riêng ra”. Nhà tôi suy nghĩ rồi bảo: “Nếu mẹ vay được tiền thì mua”. Tôi quyết định vay nợ mua nhà.

Mua nhà phải công nợ, mình tôi làm nuôi bốn miệng ăn, lúc nào cũng thiếu tiền. Tôi nóng nảy và sốt ruột, gắt gỏng cả ngày. Mỗi lần nghe tiếng con khóc tôi không sao chịu nổi, hay đánh mắng các cháu. Nhưng nhà tôi điềm tĩnh và thương con. Lắm khi con khóc còn pha trò thêm.

Năm tôi mua nhà xong trời dập liền hai trận

bão. Đời sống thật là gieo neo. Quê tôi chủ yếu là vườn cây ăn quả. Nếu một trận bão ập vào là xơ xác hết, coi như mất mùa. Khoảng tháng 8 âm lịch năm đó, vừa sau trận bão, nhà chúng tôi mái tóc gần hết. Ngoài vườn chuối, mía đổ như ngã vạ. Vườn trầu không gần như cả cơ nghiệp cũng đổ. Con thì ốm, luôn mồm nôn mửa. Tôi đang vừa lo thuốc thang cho con, vừa thuê người dựng trầu, lợp nhà thì chồng tôi về. Anh chạy ào đến chỗ tôi làm việc và bảo: “Nhà có khách, mấy anh bạn xa tới chơi, muốn uống rượu ngon Đại Hoàng, mợ xem có lo được không?” Tôi nghe mà bàng hoàng cả người. Nhưng biết tính chồng tôi hiếu khách, và cũng biết rằng anh đi đến đâu cũng được bạn bè cứu mang, nên tôi không nỡ từ chối. Tôi liền bảo: “Tôi lo được”. Nói xong, tôi chạy đi mua 2 cân bê thui, ba lít rượu ngon của nhà ông Trương Thông và nhờ một ông thợ đang đứng dựng giàn trầu về bắt gà làm thịt. Rồi nhờ người đến mời bố chồng và em chồng đến cùng nhà tôi tiếp khách. Mãi đến xẩm tối khách mới ra dò về Nam Định. Chồng tôi lúc đầu định cùng đi với bạn, sau thấy con đang ốm nên không nỡ, lại quay về nhà ở được mấy ngày. Cái nhà đó của chúng tôi cũng chỉ ở được có một năm. Sang năm sau thì bị bão xô đổ. Nhà đổ, cây cối trong vườn xơ xác. Đang loay hoay không biết

xoay xổ rạ sao thì lại gặp may. Có một người làng vợ mất sớm, để lại hai con nhỏ vì thua bạc nên phải bán đi ngôi nhà gỗ năm gian. Tôi quyết định vay công vay nợ mua nhà. Hôm đưa thợ đến dỡ nhà buồn vui lẫn lộn. Vui vì sẽ có nhà để ở, buồn vì cảnh mình đã công nợ, cảnh người bán nhà cho mình lại càng bị đất làm sao. Lúc chúng tôi đến nơi, anh không dám ở nhà, lẳng lặng bỏ đi, hai đứa con gầy guộc nhem nhuốc, đứa lớn khoảng sáu tuổi công đứa bé vài năm trên lưng. Nó trôn trôn nhìn thợ dỡ nhà rồi mang đi, tự nhiên nó vừa bỏ chạy, vừa khóc ré lên như bị ai cắn xé. Tôi nhìn chị em nó mà nảo cả lòng. Tự nhiên tôi nghĩ, đời mình đã khổ sao còn có người khổ hơn mình. Dem ngôi nhà năm gian mua được về dựng trên đất nhà mình, vợ chồng tôi mừng lắm. Từ đó anh ấy có chỗ riêng của mình, có cái buồng anh đọc sách viết chuyện cả ngày trong đó. Đêm anh thường thức đêm khuya, có hôm trời rét, trùm chăn ngồi cả đêm viết viết ghi ghi. Tôi luôn mồm giục anh đi ngủ, anh chỉ bảo: “Mợ cứ ngủ đi, mai còn phải làm, cứ mặc tôi”.

Nhà tôi, như các cụ xưa bảo: “Ai ơi! Chớ lấy học trò...”. Mọi việc lớn trong nhà từ tậu ruộng, làm nhà anh thường bảo tôi cứ việc quyết định, chỉ cần bảo qua với anh thôi. Những lúc say mê viết thì dù cơm có nấu xong rồi, gọi đi ăn anh cũng chả buồn

đứng dậy. Nhắc nhiều lần thì lại bảo: “Cả nhà cứ ăn cơm trước đi, tôi ăn sau”. Lắm khi tôi cau có phàn nàn, anh chỉ nói: “Tôi đã bảo mọi người muốn làm gì thì làm, để yên cho tôi làm việc”.

Tôi sinh con thứ ba vào năm 1944: Cháu Bình Yên. Đặt tên con Bình Yên, có lẽ nhà tôi hy vọng về một cuộc sống thanh bình. Nhưng nào có ai ngờ, ngay sau đó, những nỗi bất hạnh liên tiếp ập xuống gia đình chúng tôi. Đầu tiên là Nhật chiếm mất trường Công Thanh, nhà tôi mất việc làm. Sau đó là cháu Bình Yên bỏ chúng tôi mà đi sau một trận kiệt lực. Hôm cháu mất, nhà tôi đi vắng. Anh vẫn quanh quẩn ở Hà Nội, sống nương nhờ bạn bè. Chôn cất cháu xong, mấy mẹ con cũng tưởng không qua được trận đói năm 1945. Quê tôi lúc đầu còn sống nhờ rau và quả chuối sau thì ăn bẹ cây chuối rồi đào củ chuối lên mà ăn. Làng quê xơ xác. Người chết đói đầy đường. Mẹ con tôi sống nhờ cháo rau má. Tôi một mình nuôi hai con nhỏ đã khó lại còn phải nuôi thêm một đứa cháu ruột con gái chị tôi nữa. Bố cháu cũng cò bạc, rồi lang thang đi mất tích. Chị tôi một mình không nuôi nổi ba đứa con nhỏ, đành gửi chị, gửi em mỗi người nuôi giúp một đứa.

Tháng 5 - 1945, chồng tôi từ Hà Nội về. Quá trưa anh tới nhà. Vào nhà anh gieo luôn mình

xuống chiếc võng nằm chết lặng đi, không thốt lên được lời nào. Đêm đó nằm bên nhau, tôi không sao nén nổi nên khóc òa lên. Tôi khóc tức tưởi một lúc thì nghe nhà tôi khẽ khàng nói: “Thôi mình đừng khóc nữa, được như vậy cũng là phúc lắm rồi. Tôi cứ tưởng, lần này về không được nhìn thấy vợ con đâu nữa vì chết đói hết cả rồi”. Sau đó anh kể cho tôi nghe, anh ở Hà Nội đã được anh Khôi và bạn bè anh cứu mang ra sao. Anh nói: “Không có các anh ấy giúp đỡ thì nay tôi cũng chả còn mang được xác về đây với mình đâu” (về sau, anh Khôi trở thành anh vợ của nhà văn Tô Hoài). Lúc còn trẻ nhà tôi hay đưa bạn về thăm nhà, anh Tô Hoài hay về chơi hơn cả. Có lần anh ở lại hàng tháng. Tính anh dịu dàng, vui vẻ. Chiều chiều hai anh hay đi tắm sông (nhà tôi ở cạnh sông Châu). Tối sáng trăng, anh hay chơi bịt mắt, bắt dê với cháu Hồng nhà tôi. Anh thường nói là anh thích cá kho tôi nấu.

Nhà tôi về lần ấy rồi ở nhà luôn. Vài tháng sau thì cách mạng bùng nổ, ta cướp chính quyền. Nhà tôi tham gia công tác ở quê nhà, làm chủ tịch xã, công việc vùi đầu, suốt ngày hội họp, diễn thuyết trong các cuộc mít tinh... Thời gian Thời gian đó tôi có mang cháu Thành. Có mang lần này tôi ốm tưởng chết. Nhà tôi bận việc đi vắng suốt ngày, cháu Hồng mới bảy tuổi lo việc cơm nước trong nhà

và chăm sóc mẹ ốm. Tháng 2 năm 1946 tôi sinh cháu. Vừa đẻ được vài tháng đã phải ôm con đi tản cư. Nhà tôi không làm chủ tịch xã nữa mà tham gia công tác tuyên truyền ở huyện, thỉnh thoảng anh ghé lại chỗ mẹ con tản cư.

Có một chuyện buồn cười, làm tôi nhớ mãi. Đó là vào năm 1947 chúng tôi dân tản cư, ai cũng có một chút tiền, thường giấu vào lằn áo gi lê hoặc trong độn tóc. Em gái tôi có chín trăm đồng, đem khâu vào cái độn tóc, không biết sơ ý thế nào để mất, nó kêu khóc âm ỉ. Lúc đó nhà tôi cũng ở đấy, anh cứ vừa tòm tòm cười và bảo: “Dì không lo đâu, số tiền dì giữ đấy là của tôi, tôi đã đánh dấu hết rồi, cho nên ai nhặt được họ sẽ đem trả lại ngay thôi”. Tưởng nhà tôi nói chơi vui, không ngờ vài giờ sau, thấy tiền của em tôi được dất lung tung ở chái nhà, sau nhà mỗi nơi một ít. Mọi người tình cờ nhặt được đem trả đủ cả.

Ở Đồng Nhuệ được hơn một năm thì nhà tôi phải đi xa. Trước khi đi, anh đưa mẹ con tôi tản cư xa hơn. Anh bảo: “Ở đây tôi đi xa rồi. Tây nó tràn đến mẹ con không dất díu nhau mà chạy được, tôi đưa mẹ con vào Thanh Liêm ở. Đêm đi Thanh Liêm là một đêm đầy kỷ niệm. Cả nhà nằm trên một cái dò dọc chỗ đây mía trên cánh đồng nước mênh mông. Nửa đêm trời đổ trận mưa như trút

nước. Mọi người chạy nháo nhác lên bờ tránh mưa. Tôi vai đeo bị quần áo, tay ôm cháu Thành. Nhà tôi lưng công cháu Thiên, tay dắt cháu Hồng. Tôi bước hụt xuống một cái hố sâu tưởng gãy xương, may mà chỉ đau thôi. Nhà tôi ngã hai, ba lần. Cả nhà chạy được đến cái quán nước bỏ không ở bên đường thì đều ướt như chuột lột. Sau trận mưa, trăng sao lại vàng vạc, ngày hôm sau nắng như đổ lửa. Đêm mất ngủ, bị nước mưa, ngày phơi dưới nắng gắt, cả nhà rã rời. Đến Thanh Liêm mẹ con tôi ở nhà bà cụ Xoan. Cụ chỉ có một mình, nhà cửa xiêu vẹo nhang cụ rất tốt, coi chúng tôi như con cháu trong nhà. Những đêm trời mưa, bà cháu mẹ con xúm xít vào nhau, tìm một chỗ nước không chảy tới. Đưa mẹ con vào đến nơi ở mới xong là nhà tôi đi Việt Bắc, từ đó tôi một mình làm đủ mọi nghề để nuôi ba con nhỏ. Cuối năm 1949 nhà tôi có về chỗ mẹ con một lần. Anh về hôm trước thì hôm sau Tây càn đến nơi. Cả nhà chui xuống một cái hầm bí mật, ba cháu nhỏ cứ chí chọe mãi, may mà giặc không đến gần nơi chúng tôi trú ẩn nên cả nhà được an toàn. Lần ấy nhà tôi ở lại được vài ngày. Lúc đi, anh bảo tôi tiễn anh một đoạn. Hai vợ chồng đi bên nhau, gặp gốc cây có bóng mát, anh bảo tôi ngồi xuống nghỉ một lát. Tôi ngồi xuống bên anh, anh trầm ngâm bảo: "Lấy tôi mình thật

khô, tôi ốm đau luôn, chả làm ra tiền để giúp mình, mọi việc trong nhà một mình phải lo liệu. Nay tôi lại phải đi xa, không biết bao giờ gặp lại vợ con. Minh có giận tôi không?”. Tôi chẳng nói câu nào, lặng ngời mà nước mắt cứ muốn ứa ra, ngời một lát chúng tôi lại đứng lên đi tiếp.

Tôi gắn bó với chồng tôi đến ngày đó là mười sáu năm tuy vợ chồng luôn luôn nghèo khó và ít được sống gần nhau nhưng anh rất mực yêu thương vợ con, ít khi anh nói nặng với tôi. Loạn lạc phải đi tản cư, con cái không được học hành, anh thường nói với cháu Hồng: “Mai kia nước ta độc lập, cậu sẽ cho con đi học, bao giờ con không muốn học nữa mới thôi”. Thấy con lúc nào cũng thèm khát miếng ăn, nhà tôi lại bảo: “Mai kia độc lập, cậu đưa con ra tỉnh, cho con ăn cao lầu. Cậu sẽ may cho con thật nhiều quần áo đẹp”. Đi với nhau một đoạn đường nữa thì đến bến đò, trời cũng vừa xế chiều, nhà tôi bảo: “Thôi mình về với con đi, kéo chúng nó mong”. Rồi nhà tôi xuống đò, tôi dừng lại, lòng nặng trĩu, lúc ra về chân tôi gầy như khuyu xuống, không còn muốn bước nữa.

Nhà tôi về lần ấy tôi có mang cháu Thực. Đứa con mà mãi mãi không bao giờ được nhìn thấy mặt cha vì đấy là lần về nhà cuối cùng của nhà tôi, cũng là lần cuối cùng chúng tôi gặp nhau.

Tôi sinh cháu Thực được vài tháng thì mẹ con đưa nhau về quê. Quê tôi lúc đó là vùng địch tạm chiếm, nhà tôi nghe tin này buồn lắm. Nhưng năm mẹ con tôi nơi đất khách quê người làm sao mà sống nổi. Tôi trở về làng với hy vọng nương nhờ cha mẹ, họ hàng để sinh sống. Song lúc này, đôi bên cha mẹ đều đã già yếu. Các chú cháu cũng đi theo kháng chiến cả. Trong khi tôi đi vắng nhà cửa bị đột nát hư hỏng ông nội cháu đã đem bán đi. Thế là cũng lại năm mẹ con với hai bàn tay trắng, không ruộng vườn, nhà cửa. Lúc mới về, tôi cho các cháu ở nhờ ông bà nội. Sau Tây đốt mất nhà, nhà lại đông người, không ở được nữa, tôi cho con ở nhờ họ hàng, nay đây mai đó, và chạy chợ nuôi con. Lúc đó, cháu Hồng mười hai tuổi, cháu Thực mới sinh được mấy tháng. Tôi để cháu Hồng chăm sóc các em, còn tôi ngày nay qua ngày khác (có khi vắng nhà cả đêm), đi hàng chục cây số, mua bất cứ thứ gì có thể bán được, đem ra Nam Định bán. Thôi thì bó củi, mớ rau, buồng chuối, quả cau cho đến nhãn, mít, na... chả từ thứ gì. Người ta mang ba bốn chục cân, tôi đội đến tám chục cân. Một đội hàng ba bốn người nâng mới đưa được lên đầu. Quê tôi không biết gánh, toàn đội trên đầu. Đầu sưng lên bằng quả cam, cổ mỗi không quay đi, quay lại được, lâu dần thành chai, không thấy đau nữa. Lúc đó chạy

chợ cũng coi như là cảm tử, chả biết sống chết lúc nào, khối hòm bị Tây bắt vào bột Vạn Bảo để làm cò quanh bột. Những hôm gặp trận càn, đạn nổ âm âm, đạn bay cheo chéo qua đầu. Bao nhiêu vất vả, khổ đau, nhưng mẹ con tràn đầy hy vọng. Hy vọng vào một ngày kia, gia đình được đoàn tụ, cuộc sống sẽ tốt đẹp hơn (như chồng tôi vẫn bảo, “Độc lập rồi cậu sẽ cho con...”).

Vậy mà đột ngột tôi nhận được tin chồng tôi hy sinh! Lúc đó là cuối năm 1951. Tôi tưởng như không đứng vững được nữa. Đúng vào những ngày gần Tết, việc làm ăn buôn bán khấm khá hơn thì cái tin xé lòng đó đến! Tôi đổ ối một trận thập tử nhất sinh bỏ bê mọi công việc, các cháu ngơ ngác như gà con mất mẹ. Mãi mấy tháng sau tôi mới gương dậy được, lòng vẫn còn bàng hoàng không thể tin đó là sự thật. Quê tôi lúc đó là vùng địch đang chiếm đóng. Tin nhà tôi hy sinh cũng mới là tin truyền miệng. Mãi tháng tư năm sau (tức năm 1952) nhờ một anh người làng hoạt động trên tỉnh, tên là Đính, chúng tôi mới liên lạc được với cơ quan nhà tôi công tác. Qua anh Đính, các anh nhắc tôi đưa hai cháu lớn ra vùng tự do, để đi học. Tôi chỉ cho được một cháu là Mai Thiên đi, còn cháu Hồng phải ở lại giữ em, cho mẹ kiếm sống (lúc đó cháu Thực mới chưa đầy hai tuổi). Tôi đưa cháu Thiên

vào Xích Thổ để cháu theo đường dây đi học. Cũng ở đây, tôi được nhận vài kỷ vật nhà tôi để lại.

Cháu Thiên đi được một năm quê tôi trở thành khu du kích, những lớp học bình dân mọc lên. Tôi nhớ ngày hẹn của anh ngày trước, liền cho cháu Hồng đến lớp học. Đời sống của mấy mẹ con lúc này vẫn còn thiếu thốn lắm. Cháu Hồng theo học được là nhờ thầy giáo Hàm, vốn là cháu họ của tôi không lấy tiền học phí. Khi đi học, cháu Hồng phải mang theo em, về nhà vẫn phải làm mọi việc, được các cháu chịu khó nên học cũng khá. Năm 1954 cháu Thành lại được cấp trên cho đi học (lúc này cháu mới tám tuổi). Tôi nhờ người đưa cháu lên Việt Bắc và từ đó cháu sang Trung Quốc học. Năm sau, được chính quyền xã cấp cho sáu sào vườn để trồng cây, mẹ con cũng đỡ phần nào khó khăn. Hòa bình được vài năm, gia đình tôi liên lạc thường xuyên được với Hội Văn nghệ Việt Nam nay là Hội Nhà văn Việt Nam. Các anh ở Hà Nội và anh em bạn bè của nhà tôi quan tâm giúp đỡ việc học hành của các cháu và in tác phẩm của nhà tôi để có tiền cho tôi nuôi con. Hội còn cử người về tận nhà, cùng tôi đi thăm mộ nhà tôi ở Gia Xuân, huyện Gia Viễn, Ninh Bình. Các anh hỏi tôi có muốn đưa mộ nhà tôi về quê thì các anh sẽ tạo mọi điều kiện. Song lúc đó, bố chồng tôi hãy còn sống, tôi xin ý

kiến cụ, cụ bảo: Nhà tôi mất, không phải được chôn cất một mình, khi cải táng vào nghĩa trang liệt sĩ, anh em mới tách ra, thôi để nhà tôi nằm lại nghĩa trang đó. Vậy là tôi cùng một anh vào xã liên hệ, được địa phương giúp đỡ đi thăm mộ nhà tôi tại nghĩa trang liệt sĩ xã Gia Thanh, sau này, qua nhiều lần sáp nhập địa phương cũng có di chuyển nghĩa trang, tới nay nhà tôi nằm lại nghĩa trang huyện Gia Viễn. Tiếc rằng sau này địa phương để thất lạc mất sơ đồ mộ chí, nên phần mộ của nhà tôi chưa xác định được chính xác. Các cháu đã nhờ một số nhà khoa học xác định, nhưng chúng tôi chưa thật dám khẳng định nên vẫn chưa được thực hiện được nguyện vọng đưa nhà tôi về quê nhà.

Nhà tôi hy sinh lúc còn trẻ, bốn con của anh đều thơ ấu, song chúng tôi luôn nhận được sự giúp đỡ của cơ quan Hội Nhà văn Việt Nam, còn anh em bạn bè. Hai cháu Thiên, Thành được đi học ở Trung Quốc, tác phẩm của nhà tôi được sưu tầm và được in lại... Đặc biệt tôi rất biết ơn anh chị Tô Hoài đã giúp đỡ tôi rất nhiều. Anh chị coi cháu Mai Thiên như con ruột, khi cháu cưới vợ anh chị cũng tận tình giúp đỡ. Năm 1972 tôi ốm phải nằm bệnh viện Bạch Mai mấy tháng cũng được cơ quan Hội Nhà văn Việt Nam và anh chị Tô Hoài giúp đỡ. Các anh Nguyễn Hồng, Nguyễn Đình Thi, Kim Lân

v.v... luôn coi tôi như người thân và cứu mang các cháu. Các anh Tiểu, Mãi ở cơ quan văn nghệ cũng tận tình giúp đỡ các cháu mỗi khi các cháu gặp khó khăn trong học hành.

Tỉnh Nam Hà và Hội Văn học nghệ thuật Nam Hà cũng biểu lộ tình cảm và giúp đỡ chúng tôi về nhà ở... Tôi vô cùng cảm động trước tấm lòng của các anh các chị. Các con tôi đều được học hành và trưởng thành, phần nào làm mát mẻ hương hồn nhà tôi. Được như vậy có phần công lao của cơ quan đoàn thể, của tình bạn hữu.

Sau này, cháu Hồng ra công tác rồi lấy chồng rồi sinh con vào năm 1963. Tôi lĩnh được một ít tiền nhuận bút của nhà tôi, mua một ngôi nhà nhỏ, đem đến Nam Định dựng trên mảnh đất của nhà máy Tơ Nam Định - là cơ quan công tác của cháu Hồng lúc đó. Tôi đưa hai cháu Thành, Thực ra đó ở cùng cháu Hồng. Nhưng mới ở được 9 tháng thì Mỹ bắn phá, phải di sơ tán. Lâu sau, Mỹ ném bom trúng nhà tôi. Nhà bay mất cả, nên nhà là một hố bom sâu. Thế là mẹ con tôi lại không có nhà ở. Trước và sau đây tôi còn làm nhà hai lần, một lần được làm trên mảnh đất được cấp năm 1955, một lần làm ở quê khi trở về sơ tán năm 1971. Thế là tôi 5 lần làm nhà và cuối cùng vẫn không có nhà ở. Mãi năm 1975 tôi mới lại thuê được một gian nhà



*Nhạc sĩ Trần Hoàn chia buồn với gia đình
khi bà Nam Cao qua đời.*

ở tầng 2 phố Lê Hồng Phong - Nam Định. Năm 1990, khi tôi đã già yếu, lên xuống cầu thang khó khăn, Hội văn học nghệ thuật Nam Hà và anh Vũ Tú Nam đã trực tiếp làm việc với Tỉnh ủy Nam Hà để tôi được mua một miếng đất của xí nghiệp Dân Sinh tại phố Nguyễn Du (Nam Hà). Nay cháu Hồng đã xây nhà trên mảnh đất đó, tôi ở cùng đó với vợ chồng cháu.

Đến nay tôi đã 78 tuổi, bốn con tôi đã trưởng thành, mỗi người có một chỗ đứng nhất định trong xã hội. Hồng là kỹ sư dệt công tác trường học, nay đã nghỉ hưu. Mai Thiên là tiến sĩ khoa học, công

tác ở một viện nghiên cứu. Thành là cán bộ nhà máy, nay cũng đã nghỉ hưu. Còn Thực - đứa con út mà cha con không một lần được gặp nhau, nay đã trở thành giám đốc một nhà máy trong nhà máy Liên hợp dệt Nam Định. Tôi có 5 cháu nội, 3 cháu ngoại. Các cháu cũng được bố mẹ nuôi dạy chu đáo và đều được học hành nên người. Tôi đã có hai chất ngoại, chất đã biết bi xô độc thơ của cụ. Các con cháu tôi đều biết quan tâm đến tôi, vì chúng hiểu rằng tôi là một người mẹ, người đã hết lòng vì chúng. Tôi tự thấy mình đã phần nào thực hiện được ước muốn của chồng khi nhà tôi còn sống.

Nam Định, ngày 30 - 9 - 1994

CHÚNG TÔI ĐI TÌM MỘ CHA

Ký ức về lần gặp mặt cha cuối cùng

Sau hai năm kể từ ngày cha tôi lên Việt Bắc công tác, Người trở về nơi gia đình tản cư được một lần vào năm 1949. Đó là lần cuối cùng Người gặp lại vợ con. Cha tôi ở nhà được hai ngày thì mất một ngày giặc tràn vào nơi chúng tôi ở. Cả gia đình phải chui xuống hầm bí mật để trốn từ sáng sớm đến tận tối. Ngày hôm sau, cha tôi ra đi, Người mân mê đôi chân nhỏ bé của em Thành, tay kia vuốt ve mái tóc tôi. Rồi đột ngột Người buông hai chị em ra, dùng cả hai tay ôm xiết lấy đôi vai gầy yếu của Mai Thiên mà lắc lắc hồi lâu. Sau đó cha tôi bảo mẹ tôi: "Mình đi với tôi một đoạn". Hai người ra đi một lúc lâu, lại thấy cùng quay về. Lần này Người cứ đứng lặng lẽ và nhìn các con trân trân, hai giọt nước mắt lăn dài trên đôi gò má hốc hác. Đứng một lúc lâu như vậy, rồi

chợt cha tôi quả quyết quay ra và đi như chạy... Cha tôi đi rồi, mấy mẹ con cụm đầu vào nhau, mẹ tôi bấy giờ mới bật lên nức nở, các con ngơ ngác chưa hiểu được cũng khóc theo.

Gặp cha tôi lần đó, mẹ tôi lại có mang và sang năm 1950 thì sinh con trai, đặt tên là Trần Hữu Thực - Sinh Thực xong, không vượt qua được bệnh tật, nghèo đói, năm mẹ con tôi bồng bế nhau rời nơi tản cư về quê, lúc đó đang là vùng địch chiếm đóng. Được tin này cha tôi rất buồn - đã có lần Người thổ lộ trong bức thư viết cho nhà văn Nguyễn Huy Tưởng như sau: ..."Mình được tin gia đình rồi đấy. Vợ con bi lảm! Nhờ một anh bạn hỏi ý kiến, nên tản cư mà chết đói hay nên về làng bị chiếm đóng..."

Giữa năm 1951, cha tôi từ Việt Bắc về định sẽ ghé qua nhà thăm lại cha mẹ, vợ con, thăm lại quê hương thân yêu và thu thập tài liệu để hoàn thành cuốn tiểu thuyết về làng quê đang viết dở. Nhưng Người đã chẳng bao giờ còn thực hiện được ước muốn đó nữa. Cha tôi đã vĩnh viễn xa lìa chúng tôi, và lần gặp cha cuối cùng vào năm 1949 để lại những ký ức đậm mãi trong lòng chúng tôi.

Hoàn cảnh hy sinh của cha tôi, theo những nguồn tin gia đình được nghe kể lại

Khoảng giữa năm 1951, cha tôi rời chiến khu Việt Bắc để về đồng bằng trong đoàn công tác thuế nông nghiệp. Tôi được nghe kể rằng cha tôi rất hăm hở trong chuyến công tác này vì ngoài nhiệm vụ được Đảng, Nhà nước giao, Người còn đang ấp ủ một sáng tác lớn về quê hương. Nhưng bọn giặc dã man đã sát hại cha tôi giữa lúc tóc hây còn xanh, lòng đầy náo nức muốn được sống để làm đẹp cho quê hương. Cha tôi ngã xuống trên mảnh đất một tỉnh láng giềng (tỉnh Ninh Bình) trên cánh đồng làng Mưỡu Giáp. Ông được nhân dân địa phương chôn cất thi thể. Do chiến tranh tàn khốc và thiên tai bão lụt nặng nề nên đã đem lại rất nhiều khó khăn cho gia đình tôi trong việc tìm kiếm hài cốt của cha tôi sau này.

Thực ra, ngay từ ngày đầu hòa bình vừa được lập lại, Hội Văn nghệ Việt Nam đã cử người cùng với mẹ tôi vào nơi cha tôi hi sinh để tìm hiểu tình hình về hoàn cảnh ra đi của cha tôi và phần mộ của Người. Hội cũng đặt vấn đề, nếu gia đình có nguyện vọng đưa hài cốt cha tôi về quê thì Hội sẵn sàng giúp đỡ. Song, lúc đó lại có những bất cập mà tôi xin kể lại sau đây:

Khoảng đầu năm 1955, vào nghĩa trang xã Gia

Thanh thăm mộ cha tôi xong, lúc về mẹ tôi kể: Nhân dân địa phương cho biết, ngày đó đoàn cán bộ của ta đi bằng thuyền nan trên cánh đồng nước để tới địa điểm công tác. Gần tới nơi thì gặp địch đang đi càn. Trên bờ bọn lính com măng dô đứng lối nhỏ, dưới mép nước đồng bào đi làm đồng về rửa chân tay. Thấy thuyền từ từ tiến vào, đồng bào đoán là cán bộ ta, liền dùng nón giả vờ quạt hất miệng nón ra phía thuyền để làm tín hiệu báo cho đồng chí mình là đang có địch. Nhưng mọi người trên thuyền lại không hiểu ý bà con, nên vẫn chèo thuyền tiến vào.

Bọn địch nhìn thấy bèn hô hoán kêu gọi đầu hàng và đuổi bắt. Cán bộ ta dúm tài liệu xuống bùn rồi nhảy xuống chạy theo mọi ngã. Giặc bắt được người mặc chiếc áo bông đen đầu tiên. Chúng đánh ông bằng báng súng vào chân để ông đau không chạy tiếp được. Chúng quát ông lên một gò đất nổi rồi đuổi bắt tiếp những cán bộ khác. Chúng bắt được tất cả ba người. Đêm xuống chúng trói các ông lại và giam trong nhà thờ Miếu Giáp. Gần sáng, các ông cời trói cho nhau, định chạy trốn nhưng bị lộ. Địch bắt lại được các ông, chúng đánh đập dã man, rồi bắn tất cả ngay tại gốc bàng trước cửa nhà thờ, sau đó ra lệnh không ai được khênh xác đi chôn. Nhưng đến đêm, đồng bào ta vào gặp

người quản giáo nhà thờ, xin được chôn cất các ông. Người quản giáo đồng ý, nhưng bảo phải mang đi nơi khác, chứ đừng chôn ở đây.

Qua nguồn tin ấy mẹ tôi dò hỏi và tìm gặp được một người trong nhóm đã chôn cất cha tôi và đồng đội của Người đêm đó. Ông tên là Cải ở xã Gia Xuân (nơi cha tôi hi sinh). Ông Cải kể: Các ông lượm được ba thi thể ở cửa nhà thờ và một thi thể ở chỗ khác, rồi đóng một cái bè chuối, đặt cả bốn thi thể lên chở qua cánh đồng đến cạnh đường 1A, là đất làng Vũ Đại. Ở đó có một hố tôi voi đã vét hết voi. Các ông đặt bốn thi thể xuống, người nọ nằm cạnh người kia rồi lấp đất. Ông lại bảo: "Sau này nghe người ta đồn, cái ông mặc áo bông đen, người cao gầy, da trắng là nhà văn Nam Cao. Do đó lúc cải táng đưa vào nghĩa trang xã Gia Thanh nghe đâu họ có đánh dấu ngôi mộ ấy lại đây".

Khi được nghe kể như vậy, và được Hội Văn nghệ gợi ý về việc di chuyển hài cốt cha tôi về quê, mẹ tôi đã xin ý kiến ông nội tôi ngay. Song ông tôi rất băn khoăn. Ông bảo: "Con ạ, chồng con mất trong cảnh loạn lạc, người ta lại chôn chung nó với những người khác, bây giờ biết ai là người nhà mình mà dám đưa về. Thôi thì nó đã chết cùng với anh em thì cứ để nó nằm đó với họ". Lúc bấy giờ, gia đình tôi thực sự trăm bề khó khăn mà đất nước

cũng chưa có điều kiện như sau này trong việc xác định hài cốt. Gia đình tôi đành chấp nhận theo ý kiến ông nội tôi.

Đến năm 1960, tôi đang là học sinh trường Kỹ thuật III Nam Định, biết tôi là con nhà văn Nam Cao, người bạn học trên tôi một lớp, dẫn tôi đến gặp một bác công tác ở Ủy ban tỉnh Nam Định, nói là bác cùng đi trên con thuyền với cha tôi trong chuyến công tác đó. Nhưng bác may mắn trốn thoát. Bác kể: "Đầu tiên hai liên lạc vào trước, chờ mãi không thấy ai ra, ở ngoài sốt ruột cho thuyền từ từ vào". Bác bảo: "Số cán bộ này của ta lần đầu vào địch hậu, nên còn chủ quan lắm, trông thấy bọn địch đứng trên bờ, lại nói với nhau: "Chắc anh em du kích ra đón mình đây". Rồi bác nói thêm: "Nhưng cũng không may, hôm ấy bọn địch đi càn chứ không phải chúng đóng quân từ trước nên đường dây của ta không nắm được". Bác cũng bảo hôm đó cha tôi mặc áo bông đen. Khi tôi ra về, bác đưa cho tôi cái ống đựng kim chỉ và nói: "Bác mượn của cha cháu, bác chưa kịp trả mà cha cháu không bao giờ về nữa".

Rồi vào năm 1996, trong số người tham gia chương trình "Tìm lại Nam Cao" lại có một người nữa là ông Phan Văn Phán, lão thành cách mạng kể lại như sau: Ông cùng đi chuyến công tác năm

dó với cha tôi, đoàn công tác gồm 6 người. Ngoài cha tôi có ông Thao là tỉnh ủy viên Thái Bình làm trưởng đoàn. Ông Chiêu cán bộ hậu cần Bộ Quốc phòng và hai đồng chí nữa ông không nhớ tên và một giao liên dẫn đường. Các ông được giao nhiệm vụ chuẩn bị cho chiến dịch Thu Đông 1951-1952 nhằm giải phóng một vùng có nhiều tiềm lực về người và của mà địch đang chiếm đóng. Ông nói rằng: Trong gần một tháng nằm chờ ở chùa Áng Ngũ xã Minh Hòa, huyện Gia Khánh, ông đã sống và sinh hoạt cùng cha tôi. Vóc dáng cha tôi thư sinh, mảnh dẻ hay húng hắng ho, mặc chiếc áo bông trần màu xanh lá cây. Ông bảo: "Cha tôi vui tươi dí dỏm và biết nhiều chuyện, dạy ông làm thơ, kể chuyện làng Đại Hoàng quê tôi".

Rồi ông nói: Chuyển đi đó năm người bị bắt và hy sinh, riêng ông trốn thoát. Ông bảo đoàn đi theo đường Cung Quế xã Gia Xuân sang huyện Ý Yên, Nam Định rồi đi từ chùa Áng Ngũ xã Ninh Hòa, Gia Khánh. Bấy giờ đang là mùa mưa, cánh đồng ngập nước, các ông đi bằng thuyền nan xuôi theo đoạn sông Hoàng Long, Gia Viễn đến Gia Xuân. Trên thuyền có 6 người, lúc đó khoảng 9 giờ sáng. Cha tôi vui vẻ kể chuyện. Người thì thăm: "Mình sắp hoàn thành cuốn tiểu thuyết về làng... ta sống ở làng, chết cũng ở làng. Nói đến làng làm ta nhớ

quê hương quá...". Chợt cha tôi ngược nhìn lên khu nghĩa địa trên đỉnh núi, chân núi là nhà thờ Muỗu Giáp, rồi người đọc hai câu thơ:

"Mồ ai táng ở cheo leo

Đồng bằng không táng, táng treo trên đèo".

Ông Phán nói tiếp: Khi thuyền cách chân núi khoảng hơn trăm mét so với làng Muỗu Giáp, bỗng bất ngờ trên bụi tre nhô ra nhiều họng súng, một giọng Tây hô: "Ê bố cu Việt Minh, vào đây không tao bắn". Các ông lật thuyền để giấu tài liệu xuống bùn, rồi chạy theo nhiều hướng để thoát. Nhưng chỉ mình ông là người địa phương, thông thuộc địa hình nên chạy thoát được còn năm đồng chí của ông đều bị bắt và bị bắn chết vào sáng hôm sau.

Về phía gia đình tôi, từ trước tới giờ nhất là từ năm chín mươi lại nay, chúng tôi thường xuyên tới nơi cha tôi hy sinh. Hay đi nhất là vào dịp 30 tháng 11 hàng năm. Nhớ lại, năm 1990 cả nhà vào nghĩa trang huyện Gia Viễn, mang rất nhiều hương, chia nhau cắm trên mộ hơn 800 liệt sĩ vô danh, mong có một nén cắm ở mộ cha mình, năm sau cũng thế. Rồi sang năm 1993, cả nhà bận không đi được, chỉ mình chồng tôi đi. Anh ấy đi xe đạp. Trời hôm ấy gió to mà lại tạt ngang. Anh cứ cắm cúi đạp xe, qua thị xã Ninh Bình một lúc, chợt anh nhìn sang cạnh đường, đạp vào mắt là chiếc cột mốc đề km số 4.

Anh hoảng hồn nghĩ có lẽ mình đi lạc đường rồi. bây giờ mà quay lại thì quá mệt. Giữa lúc đang phân vân, anh nhìn ngay thấy một cụ bà đi ngược lại, đang tiến dần đến chỗ anh, trông cụ thật phúc hậu, mái tóc bạc trắng, nét mặt tươi cười như một bà tiên. Chồng tôi vui mừng dừng lại chào cụ và lễ phép hỏi thăm đường đến nghĩa trang. Cụ ân cần chỉ bảo cẩn kẽ rồi động viên: "Gió to thế này, bác đi xe đạp từ xa chắc là mệt lắm, nhưng bác đi đúng đường rồi, không lo đâu". Lúc vào đến nghĩa trang, người mệt rã rời, nhìn bát ngát toàn mộ vô danh, anh lưỡng lự không biết bắt đầu thắp hương từ đâu, định ngồi xuống nghỉ một lát đã. Anh ngồi ngay bên phải lối vào, đưa tay mân mê tấm bia trên ngôi mộ cạnh đó, rồi di di ngón tay vào phía dưới tấm bia, chợt thấy hiện lên hai chữ "Gia Thanh". Anh di ngón tay vào phía dưới những tấm bia ở các ngôi mộ tiếp theo đều thấy như vậy. Anh đếm được cả thấy 48 ngôi mộ có chữ "Gia Thanh". Viếng mộ xong, chồng tôi vội vàng đạp xe đi đến xã Gia Thanh. Anh ngồi lại một quán nước ven đường, gần nghĩa trang cũ, lân la trò chuyện với bà con ngồi trong quán nước. Được bà chủ quán mách, anh tìm gặp được cụ ông trên 80 tuổi. Cụ là một trong 7 người được giao nhiệm vụ đào số hài cốt liệt sĩ ở nghĩa trang xã Gia Thanh để chuyển vào nghĩa

trang huyện Gia Viễn. Cụ nói: "Tất cả 7 người làm việc đó, nay chỉ hai người còn sống, mà lúc ấy nghe người ta bảo ngôi mộ đã đánh dấu là mộ nhà văn Nam Cao, chúng tôi viết giấy ghi tên cẩn thận dán lên nắp tiểu, dặn lại số anh em được chuyển mộ lên nghĩa trang huyện. Nhưng hôm đó trời mưa rất to, trên đường đi giấy bị ướt và bong ra trôi đi mất". Chồng tôi hỏi: "Cụ có nhớ tất cả đưa lên bao nhiêu ngôi mộ không ạ". Cụ bảo: "48 ngôi, điều này thì tôi nhớ rõ lắm!".

Về sau, cứ mỗi lần nhắc lại chuyện này, chồng tôi thường bảo: "Tôi có cảm giác là mình được ai đó dẫn dắt ấy, tôi không sao giải thích được từ việc đang tưởng lạc đường lại gặp ngay được bà cụ, đến việc tự nhiên ngôi xuống mần mê mấy tấm bia mộ, lại tìm ra số mộ ở nghĩa trang Gia Thanh đưa lên, trong đó có cha vợ mình". Rồi một lần chúng tôi bảo nhau, sao nghĩa trang huyện Gia Viễn vẫn có nhiều mộ vô danh thế? Cả nhà tìm đến Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội để hỏi mới biết: Mộ ở nghĩa trang được đánh số thứ tự ở trên bia. Các số đó tương ứng với tên, tuổi, quê quán của từng liệt sĩ trong bản sơ đồ lưu trữ tại Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện. Vào năm đó (hình như 1965) địa phương bị trận lụt lớn, trong lúc di chuyển tài liệu, do sơ suất thế nào mà bản đồ bị

thất lạc, từ đó không còn nhận biết ai ở mộ nào nữa. Hơn 800 người rơi vào cảnh liệt sĩ "vô danh" là vì vậy.

Trần trở của gia đình và những tấm lòng bạn bầu, đồng chí

Khi con cái trưởng thành thì tuổi mẹ tôi đã cao. Càng ngày mẹ tôi càng bận khoản day dứt về việc chưa tìm được mộ của cha tôi. Bà thổ lộ nỗi khát khao tìm thấy ông để được nhìn ông lần cuối trước khi nhắm mắt xuôi tay. Mong đáp ứng được nguyện vọng của mẹ cũng là nỗi khát vọng chung của bản thân mình... Chúng tôi, nhất là Mai Thiên nhiều lần nghĩ cách tìm kiếm... Đã có lúc, Thiên liên hệ được với một nhà khoa học quen biết trong ngành địa chất, ngỏ lời nhờ ông giúp đỡ. Ông rất nhiệt tình, chỉ yêu cầu phải có sơ đồ mộ chí khu nghĩa trang cha tôi đang nằm. Gia đình tôi đáp ứng yêu cầu đó và được ông chỉ, cha tôi nằm trong ngôi mộ số 305. Muốn kiểm chứng lại, Thiên tìm gặp một nhà ngoại cảm khá nổi tiếng khác nhờ ông giúp. Ông này lại yêu cầu phải lấy một ít đất ở chính khu nghĩa trang cha tôi nằm. Chúng tôi vào nghĩa trang lấy đất đem về cho ông, nhưng vẫn chưa có lời giải đáp. Sau đó, nghe được tin, chị Bích Hằng tìm thành công mười bốn mộ liệt sĩ ở Ninh

Bình, Mai Thiên và chồng tôi tìm đến nhà riêng Bích Hằng tại khu Nam Đồng Hà Nội, mong gặp được Bích Hằng để nhờ vả. Song, đi lại mấy lần, không sao tiếp xúc được với chị. Lần nào đến cũng chứng kiến Bích Hằng rất đông khách đến chờ để nhờ chị tìm mộ người thân.

Rồi những trần trở của gia đình tôi, đã được bầu bạn, đồng chí đồng nghiệp của cha tôi biết đến. Nhiều cơ quan ngôn luận đã vào cuộc, nhiều phóng viên báo chí viết bài nói giúp ước vọng của gia đình. Chẳng hạn như bài "*Cuối năm về thăm bà quả phụ Nam Cao*" của Tô Hoàng viết cuối năm 1993 có đoạn "...việc trong năm 1994 tới là gia đình muốn phát hiện thật chính xác phần mộ của nhà văn nằm trong khu mộ liệt sĩ tại Gia Viên, Ninh Bình để đưa ông về an nghỉ vĩnh viễn tại nơi chôn nhau cắt rốn của ông - Làng Đại Hoàng, Lý Nhân Hà Nam..." Hay như báo Văn nghệ đăng bài: "*Nam Cao qua những người thân*" của nhà báo Bé Kiến Quốc. Anh Quốc cũng đề cập vấn đề tìm mộ cha tôi. Tiếp theo là rất nhiều báo khác đăng bài về cha tôi và gia đình. Trong số này phải kể đến bài báo của ông Tạ Duy Anh, đăng báo "*Tiền phong*" năm 1995. Bài báo có đoạn: "*...vấn đề nan giải nhất là xác định chính xác hài cốt của nhà văn. Gia đình từng bỏ nhiều công sức, mời cả chuyên gia ngoại*

cảm, mong tìm được ông, nhưng đến nay chưa có kết quả. Năm nay bà Nam Cao đã ở tuổi 80 mà trong cặp mắt già nua của bà, tôi đọc thấy những lời tuyệt vọng. Thiết nghĩ Hội Nhà văn Việt Nam nên nhận phần công việc này và phải khẩn trương. Hãy cho bà Nam Cao được thanh thản trước khi về cõi vĩnh hằng..."

Trên đường đi, chúng tôi tranh thủ đặt vấn đề, chủ yếu là đánh tiếng để may ra tìm được manh mối. Trong cuộc chuyện, chị Hương - em dâu giáo sư Phạm Vĩnh Cư - quê Ninh Bình, hiện sống với chồng tại Nam Định nhớ lại. Hồi còn bé, trong một lần chị cùng bọn trẻ đi xem người ta chuyển mộ, thấy mọi người kháo nhau, phần hài cốt có xương sọ bị vỡ là của nhà văn Nam Cao. Chị bảo rằng, chị nhớ điều đó vì có nhắc đến hai chữ nhà văn. Tuy cứ liệu mong manh, nhưng biết đâu lại là đầu mối cho công cuộc tìm kiếm, nếu giả thiết rằng, Nam Cao bị bắn vào đầu...

Đọc được bài báo này, anh Hoàng Cao - Đại tá quân đội nghỉ hưu, hiện đang sống tại Hà Nội . Anh là con bác ruột tôi (gọi mẹ tôi là cô ruột) tức tức gọi điện cho Mai Thiên, anh em gặp nhau bàn bạc và quyết định: viết thư cảm ơn nhà báo Tạ Duy Anh, đồng thời xin phép để sao gửi bài báo đó cùng lời đề nghị giúp đỡ của gia đình đến một số cơ quan

Hội Văn nghệ tỉnh Ninh Bình
Hội Văn nghệ tỉnh Nam Định
Ủy ban nhân dân huyện Gia Viễn
Ủy ban nhân dân huyện Lý Nhân
Ủy ban nhân dân xã Hòa Hậu
Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội
huyện Gia Viễn
Ủy ban nhân dân xã Gia Xuân
Tạp chí Công nghiệp.
Thông tin khoa học vật liệu công nghiệp mới
Câu lạc bộ UNESCO văn hóa gia đình Việt Nam.
Tổng cục Thuế (Bộ Tài chính)
Báo Đại đoàn kết.
Công đoàn Bưu điện Việt Nam.
Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình
Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam.
Công ty xây dựng Trường Sơn.
Công ty Rượu nước giải khát Thăng long.
Nhóm lão thành cách mạng liên khu III.
Nhóm cố vấn.
Cục Điện ảnh.
Báo Người Hà Nội
Nhà xuất bản Văn học.
Trường phổ thông dân lập Nguyễn Siêu.

Sở Lao động thương binh và xã hội tỉnh Ninh Bình.
Nhóm họa sĩ điêu khắc.
Thân nhân của hai liệt sĩ là bác Thao và cha tôi.
v.v...

Quá trình mò kim đáy biển

Chương trình "Tìm lại Nam Cao" bằng những thông tin đa chiều đã xác định được địa điểm hy sinh của cha tôi là xã Gia Xuân và hài cốt của Người là một trong 48 ngôi mộ ở nghĩa trang xã Gia Thanh đưa vào nghĩa trang liệt sĩ huyện Gia Viễn tỉnh Ninh Bình. Bây giờ, phải tìm xem thực ra ông nằm ở ngôi mộ nào? Chương trình quyết định, đầu tiên dùng phương pháp "ngoại cảm" để xác định ngôi mộ cụ thể. Sau, dùng khoa học hình sự để thẩm định lại. Do đó, vào ngày 14 tháng 11 năm 1996 Cơ quan Liên hiệp khoa học công nghệ thông tin ứng dụng, là một đơn vị cùng tham gia chương trình, được giao nhiệm vụ mời bảy nhà "ngoại cảm" tiến hành công việc tìm kiếm. Các nhà ngoại cảm mỗi người được nhận một tấm ảnh cha tôi. Sau ảnh ghi: ngày tháng năm sinh, ngày tháng năm mất và quê quán của Người. Tùy các anh, chị lựa chọn phương pháp tiếp cận với người đã mất, rồi ghi những thông tin nhận được ra giấy cho vào phong bì dán kín lại, đem nộp

cho Liên hiệp khoa học công nghệ thông tin ứng dụng. Hôm đó, chị Bích Hằng đang lên quai bị nên không đi làm. Anh Vũ Tuấn Khanh, phụ trách Liên hiệp rất lo lắng, vì anh cho rằng Bích Hằng là nhân vật chủ lực. Do vậy anh đến nhà Bích Hằng, trao cho chị tấm ảnh cha tôi và động viên chị cố gắng tham gia chương trình. Sau này Bích Hằng kể, mãi đến đêm 23-11-1996, cả đêm chị không thấy buồn ngủ, tự nhiên “gặp” được cha tôi, ngồi bật ngay dậy viết ra giấy nội dung cuộc trao đổi giữa hai người rồi gọi điện báo với anh Khanh là chị sẽ tham gia chương trình vào ngày 24-11.



*Buổi trao đổi của các thành viên trong chương trình
“Tìm lại Nam Cao”*

Sáng, 24-11 đi Ninh Bình, gia đình tôi phải dành riêng cho chị chiếc ô tô con vì chị vẫn đang lên quai bị, sợ chị ngồi chung với mọi người trên ô tô to, sẽ làm lây vào người khác.

Tại hội trường Ủy ban nhân dân huyện Gia Viễn sáng 24-11-1996, các nhà ngoại cảm được trao lại bản viết tay đã nộp cho Liên hiệp khoa học công nghệ thông tin ứng dụng, để trình bày những thu nhận của bản thân từng người. Theo ghi nhận của gia đình, những thông tin sau đây được xem là đáng tin cậy.

Trong văn bản viết tay tại Hà Nội vào ngày 23-11-1996 (trước khi tới nghĩa trang Gia Viễn), chị Bích Hằng ghi: "*...Nơi ông nằm là một cánh đồng ven đường trục liên huyện, đi qua một cái cầu xi măng nhỏ bắc ngang con mương là vào nghĩa trang của ông. Sau mấy bóng dứa xanh là nơi ông và các đồng đội yên nghỉ. Nghĩa trang ông nằm (theo cách nói của ông) nửa cổ nửa kim... Số mộ của ông trùng lặp với số tuổi đời khi ông hy sinh. Chỉ khác là số mộ có thêm số không ở giữa...*" Cha tôi hy sinh lúc 36 tuổi, như vậy theo Bích Hằng, số mộ là 306... Ngày hi sinh của ông là ngày 28-11 chứ không phải là ngày 30-11. Gia đình tôi được báo, Người hy sinh vào ngày 30-11-1951 nên từ trước tới nay vẫn lấy ngày 30-11 là ngày tưởng niệm. Thông tin về ngày hi sinh được xác minh ngay vào chiều hôm đó, khi

đoàn khảo sát đến thôn Mưỡu Giáp, nơi cha tôi bị bắn chết, nhân dân địa phương ra xem rất đông. Một phóng viên hỏi: "Năm ông Nam Cao mất là năm 1951 dương lịch, nhưng bà con có ai nhớ là ngày, tháng nào dương không?". Một cụ già đứng trong đám đông bỗ bã nói: "Chả biết ngày dương lịch là ngày chớ nào, chỉ biết hôm đó là ngày 30-10 ta thôi". Anh phóng viên hỏi tiếp: "Sao cụ nhớ kỹ ngày đó vậy?" Cụ nói luôn: "Hôm ấy, tôi bỏ trâu cho thằng con giai cã, buổi sáng ùng oàng mãi không làm được, phải để buổi chiều, thế mà nhà gái hành tôi gần chết". Về đến nhà chúng tôi đem lịch vạn niên ra tra thì năm 1951 đúng ngày 30 tháng 10 âm lịch trùng ngày 28-11 dương lịch.

Cùng buổi chiều hôm ấy tại nghĩa trang Gia Viễn, Bích Hằng nói: "Tiểu bác Nam Cao đặt lệch so với chụp là 1/3, có một vết nứt dài bên phải". Sau này, khi khai quật mộ, chúng tôi rất chú ý đến "vết nứt" đó. Lúc ra nghĩa trang, Thành cầm theo ba que tăm và ngồi bên phải ngôi mộ. Tiểu được đưa lên khỏi hố, Thành dùng tăm chọc vào vết nứt, cắm sâu xuống xem nứt hay rạn. Rồi Thành di que tăm theo chiều nứt để biết là nứt dài hay ngắn, kết quả cho thấy vết nứt đó là có thật.

Cũng chiều hôm đó tại nghĩa trang Gia Viễn, ngôi bên mộ 306 Bích Hằng đột ngột gọi: "Có ai là Côn ở đây không?" (Côn là tên chồng tôi). Khi

chúng tôi lấy nhau, cha tôi đã qua đời, anh Côn nghĩ là cha tôi sẽ không biết anh nên anh đứng hơi xa mộ (lúc đó rất đông người, anh muốn để con ruột đứng gần mộ). Nghe Hằng gọi, anh vội len vào. Hằng nói: "Bác Nam Cao bảo: *cha rất mừng vì các con đã thay cha chăm sóc mẹ chu đáo bấy lâu nay và từ những ngày "tìm cha còn như mò kim đáy bể" nhưng con vẫn thường xuyên đến thăm cha.* Việc chồng tôi thường xuyên đi thăm mộ cha tôi, chỉ có người trong gia đình biết, khi nghe Bích Hằng nói thế chúng tôi cũng thấy ngỡ ngàng.

Tiếp theo Hằng nói: "Có ai là Cây không?" Im lặng, Hằng gọi lớn hơn: "Ai là Cây vào bác Thao cần gặp" (bác Thao là người cùng hi sinh với cha tôi) và khi Ban điều hành chương trình có kế hoạch vào 24-11-1996 đi Ninh Bình khảo sát, thì mãi tới ngày 20-11-1996, anh Nhân người con trai cả của bác Thao mới biết. Anh Nhân liên hệ với anh Yên xin cùng tham gia chương trình để tìm mộ bác Thao. Anh Yên đồng ý. Ngày 24-11-1996, anh Nhân bố trí một xe ô tô 60 chỗ ngồi đưa gia đình, họ hàng tới nghĩa trang. Trở lại câu chuyện về bác Cây, khi chị Hằng gọi đến lần thứ hai, mới thấy một người hốt hải chạy vào, đó là bác Cây (vợ bác Thao). Sau đó mọi người hỏi: "Sao bà lâu vào thế?". Bác trả lời: "Cây là tên của tôi từ lúc tôi chưa lấy ông Thao, khi lấy ông ấy rồi, bên nhà chồng tôi có bà có tổ cũng

tên là Cây, tôi phải đổi tên. Ông Thao đặt tên cho tôi là Nghị rồi còn trêu tôi: "Thích nhé! Được làm bà Nghị, Nghị viện ấy mà". Từ khi đó đến nay toàn dùng tên Nghị, tôi quên mất có lúc đã từng là Cây nên tôi cứ tưởng ông Nam Cao gọi người nhà ông ấy, tôi không dám vào".

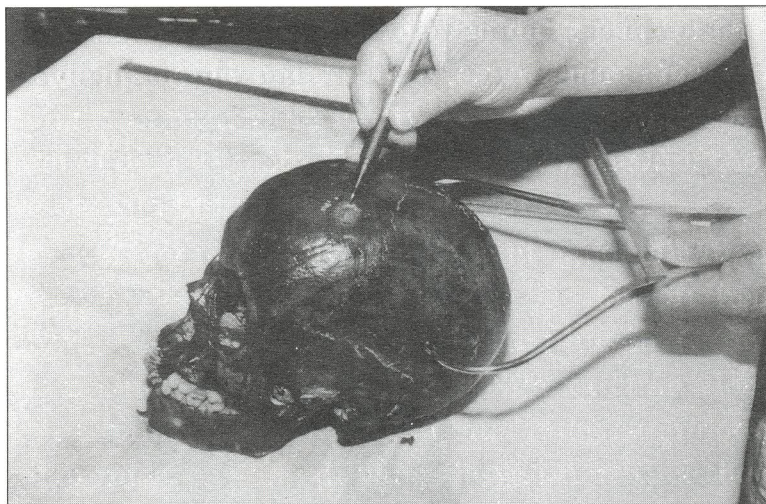
Tiếp sau đó lại có tiếng gọi: "Có ai là Gái không?". Mãi không ai trả lời, mọi người kêu lên: "Ai là Gái kia". Một lúc nữa mới có một người chạy tới khóc òa lên gọi: "Cha ơi! Cha ơi! Con đây ạ!". Sau đó mọi người được biết, người vào khóc gọi cha là con gái bác Thao, tên chị được cha mẹ đặt là Thảo. Nhưng lúc chị còn nhỏ, bác Thao rất yêu quý chị. Mỗi khi về nhà đi từ xa bác đã gọi: "Gái ơi! Gái ơi!" lâu dần thành quen, cả nhà đều gọi chị là Gái. Khi chị đủ tuổi đi học, nhà trường gọi chị theo tên trong giấy khai sinh là Thảo, rồi gia đình và mọi người đều gọi chị là Thảo, tên Gái của chị bị lãng quên từ đó. Vì thế mà chị bị chậm trễ khi Bích Hằng gọi. Trên đường trở về, chồng chị Thảo nói với chúng tôi: "Tôi lấy cô ấy đã mười năm, hôm nay tôi mới biết cô ấy còn có tên là Gái". Hai chi tiết này làm gia đình bác Thao đình ninh rằng: người nằm cạnh cha tôi không ai khác mà chính là bác (mộ 310). Chúng tôi hỏi Bích Hằng, sao không có ảnh bác Thao mà chị tiếp xúc được với bác. Hằng bảo nhờ cha tôi nên chị gặp được bác Thao.

Trong buổi giao lưu hôm đó, Hằng còn nói: Cha tôi bị bắn một phát vào đầu và một phát nữa bắn gãy hai xương sườn. Sau này qua Viện Khoa học hình sự, xác định được vết đạn trên đầu, còn vết ở xương sườn không tìm được vì xương nhỏ quá. Hằng nói thêm là cha tôi bị lấn xương chân (hai chân đều bên phải). Rồi chị bảo: Bác nói: "Tôi mượn chân của người khác". Khi về Viện Khoa học hình sự, thượng tá công an Trần Đức Đĩnh giám định viên pháp y, cầm hai xương chân lên so vào với nhau chỉ cho chúng tôi xem, đúng là một chân dài một chân ngắn. Vết đạn trên đầu vẫn còn nguyên.



Giám định viên Trần Đức Đĩnh chỉ cho Trần Mai Thiên (con trai nhà văn) xương đùi của nhà văn bị lấn.

Tại buổi giao lưu, các nhà ngoại cảm còn đưa ra nhiều thông tin khác. Song, những thông tin này, gia đình chưa có điều kiện xác minh, hoặc chưa được kiểm chứng, cho nên tôi xin không kể ra đây. Một tháng sau, vào ngày 24-12-1996 đoàn còn có buổi làm việc tại hội trường Hội Nhà văn Việt Nam ở Hà Nội. Lần này gia đình tôi đưa ra ba câu hỏi có tính chất riêng tư, muốn củng cố thêm lòng tin vào việc tìm kiếm cha tôi.



Vết đạn găm vào đầu nhà văn

Hỏi:

1- Trước khi hy sinh, cha có để lại gì cho gia đình không?

2- Lần về nhà cuối cùng, kỷ niệm nào làm cha nhớ nhất?

3- Trong đoàn công tác của cha lần cuối rồi hy sinh, có người nào tên là Phạm Văn Yêng không?

Trả lời câu hỏi (1) Bích Hằng nói: Cha tôi bảo trước lúc mất Người để lại: Một áo vétston, hai áo sơ mi, một đồng hồ, một hộp giấy, hai mảnh vải, một cây đàn. Hôm đó, mẹ tôi không có mặt tại buổi giao lưu. Vừa về tới nhà, chồng tôi nhanh nhẩu hỏi ngay mẹ về những hiện vật cha tôi để lại. Mẹ tôi bảo lên hỏi thêm chú Đạt xem vì có cái bố tôi gửi cho chú. Ngay sáng hôm sau, chồng tôi về quê để hỏi chú. Chú bảo: "Bố cháu để lại cái áo vétston, một ~~áo~~ ~~sơ~~ mi ngắn tay còn mới, một áo sơ mi dài tay đã cũ và cái đồng hồ, những cái khác chú không biết". Khi ở Hà Nội nghe Bích Hằng trả lời câu (1) tôi rất thất vọng, vì lúc mẹ tôi ra Xích Thổ nhận kỷ vật của cha tôi về, mẹ tôi chỉ đưa ra hai chỉ vàng lá bảo bố con gửi lại. Còn có gì nữa tôi đều không biết, nhưng chẳng thấy Hằng nhắc gì đến "vàng" cả. Đến lúc chồng tôi từ quê xuống nói lại lời chú tôi, ngồi tĩnh tâm suy nghĩ và bàn bạc trong gia đình với nhau, lại bảo: Hằng nói đúng: áo vétston, áo sơ mi, đồng hồ... Hay hôm ở Hội Nhà văn rất ồn, Hằng nghe nhầm "vàng" thành "đàn" chăng? Sở dĩ chúng tôi hỏi thêm câu thứ hai vì

trong lần ra đi cuối cùng của cha tôi có chi tiết cha bảo mẹ đưa Người đi một đoạn, sau đó họ quay về và đứng nhìn tôi, nước mắt lăn dài trên má (như phần đầu tôi đã kể). Chi tiết này được Bích Hằng mô tả là ra đi rất buồn, ngoảnh lại nhìn tôi, nước mắt rưng rưng.

Câu thứ ba do chồng tôi hỏi, vì khi giao lưu tại nghĩa trang, Hằng chỉ bốn ngôi mộ là cha tôi, bác Thao, một bác tên Tần, một người tên Chiêu. Nhưng vào năm 1993, gia đình tôi tiếp hai vợ chồng một người tự xưng là con gái ông Phạm Văn Yên nói ông cùng hy sinh với cha tôi trong chuyến công tác năm 1951. Chị còn để lại địa chỉ gia đình tại khu Nam Đồng, Hà Nội và đề nghị chúng tôi, khi nào tìm được mộ cha tôi cho biết tin với. Khi nghe Hằng nói, mộ 305 là bác Tần mà không thấy nhắc gì đến tên "Yên" nên chồng tôi đã đặt ra câu hỏi đó. Hôm giao lưu tại Hà Nội cũng không được giải đáp, thế là sau đó chồng tôi tìm đến khu Nam Đồng Hà Nội (theo địa chỉ của người con gái ông "Yên" để lại). Nhưng ngôi nhà đó là của một người tên là Phạm Văn Hùng, con trai ông Phạm Văn Yên, anh trai người người phụ nữ đã đến nhà chúng tôi. Chồng tôi hỏi anh Hùng, ông "Yên" còn có tên nào khác không? Anh Hùng bảo: lúc ở nhà tên ông là "Yên". Khi đi công tác có thêm bí danh là "Tần".

Thật ra, trong quá trình tìm mộ cha, chúng tôi rất thận trọng với những thông tin nhận được. Nghe xong một câu chuyện, gặp sự việc gì có liên quan, anh em đều ngồi lại thảo luận và tìm cách xác minh. Sở dĩ phải như vậy vì cha tôi và gia đình được báo chí biết đến, đã một số người thông qua sách báo biết ít nhiều về gia đình. Điều đó là rất tốt, rất đáng trân trọng. Nhưng riêng việc tìm mộ lại có thể làm loãng thông tin, cần được thận trọng.

Như trên tôi đã trình bày, bằng những nguồn tin khác nhau, hài cốt của cha tôi nghi vấn một trong hai ngôi mộ số 305 và 306 ở nghĩa trang Gia Viễn. Để thẩm định lại, gia đình xin được khai quật hai ngôi mộ đó, đưa về Viện Khoa học hình sự Bộ Công an để xác minh. Đề nghị của gia đình được Ban điều hành chương trình ủng hộ. Nhưng cả quá trình thực hiện thì còn nhiều truân chuyên lắm!

Sau khi chuẩn bị chu đáo mọi điều kiện ban đầu, Chương trình "Tìm lại Nam Cao" đề ra phương án tiếp theo là:

- Chỉ cần bốc hai ngôi mộ số 305, 306.
- Tiến trình bốc thực hiện theo phương pháp truyền thống dân gian: đặt lễ, dâng hương, làm theo thời gian đã quy định (vào ban đêm).
- Trước lúc bốc, đại diện các cơ quan lập biên bản nêu rõ hiện trạng hài cốt, riêng từng phần mộ xong, mới bàn giao cho Viện Khoa học hình sự.

- Hải cốt chuyển về Viện Khoa học hình sự xác minh, thời gian là hai tuần.

- Quá trình xác minh, Viện Khoa học hình sự được mời chuyên gia (kể cả chuyên gia nước ngoài).

- Nếu kết luận chính xác là hải cốt cha tôi, Ban tổ chức cùng gia đình và các cơ quan đoàn thể đưa người về quê hương yên nghỉ.

- Nếu không đủ điều kiện kết luận, Ban tổ chức cùng cơ quan chính sách làm thủ tục trả hải cốt về nghĩa trang theo đúng nghi lễ đối với liệt sĩ.

Ban tổ chức phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên trong ban. Gia đình tôi được giao chuẩn bị hộp xấp kín đựng hải cốt, mua tiểu mới để yên vị hải cốt sau khi thẩm định, bố trí phương tiện vận chuyển và chuẩn bị đồ lễ theo truyền thống... Ngày giờ được ấn định tiến hành vào ngày 8-1-1998. Kế hoạch đã gửi đến gia đình, chúng tôi chuẩn bị hết mọi việc rồi, bỗng 10 giờ 36 phút ngày 5-1-1998, Mai Thiên gọi điện về, tiếng cậu thảng thốt trong máy: "Đến giờ này chưa được Ninh Bình đồng ý đâu". Mẹ tôi nghe được, Người chết lặng đi, còn chúng tôi bàng hoàng, bối rối. Sau phút hoảng hốt, bình tâm lại suy nghĩ, anh em bàn nhau, gia đình phải cử người đi Ninh Bình giải quyết. Chồng tôi nhận việc đó. Trước khi lên đường, anh gọi điện bảo Thiên: "Cậu nên trao đổi việc này với anh Yên

là người khởi xướng và theo đuổi chương trình". Khi nghe Thiên trao đổi, anh Yên nói ngay: "Ý kiến này cũng hay đấy". Thế là chồng tôi đi Ninh Bình. Đến nơi, anh gặp Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để trình bày về sự đã chuẩn bị của gia đình đồng thời xuất trình văn bản của Ban tổ chức chương trình để báo cáo. Đồng chí Giám đốc sở nói ngay: "Văn bản này Ủy ban nhân dân tỉnh đã chuyển cho Sở rồi, Sở là cấp dưới tất nhiên phải chấp hành. Nhưng vừa qua Ban tổ chức chương trình, trong đó có cả cán bộ của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về làm việc, chưa có văn bản nào đúng với nghị quyết 210 của Bộ ban hành, sao gia đình ta vội vàng chuẩn bị thế?". Sau đấy đồng chí Giám đốc còn nói thêm nữa, nhưng chồng tôi bảo chỉ nghe được đến đấy, anh bàng hoàng, tai ù đặc không còn nghe thêm được gì nữa. Rồi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, nhờ sự giúp đỡ tận tình của các anh ở Hội Văn học nghệ thuật tỉnh Ninh Bình, chồng tôi gặp được đồng chí Tô Xuân Toàn Bí thư tỉnh ủy tỉnh Ninh Bình tại gia đình đồng chí vào 5 giờ chiều. Mặc dù đồng chí Toàn vừa họp ở Tỉnh ủy về, vợ đồng chí lại ốm phải mổ ở Hà Nội, mới được đưa về gia đình điều trị tiếp. Nhưng chồng tôi báo cáo sự việc, đồng chí Toàn chăm chú nghe, rồi nói: "Đây là việc làm

chính đáng và hết sức thiêng liêng đối với mọi liệt sĩ, huống hồ ông Nam Cao không phải chỉ là danh nhân của tỉnh Hà Nam mà còn là danh nhân của đất nước. Tôi chưa nhận được báo cáo của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và Ủy ban tỉnh. Việc làm cụ thể là của Ủy ban. Vậy tôi dẫn bác đến đồng chí Phó Chủ tịch tỉnh phụ trách vấn đề này, cũng ở phố đây thôi". Nói rồi đồng chí đi bộ dẫn chồng tôi sang nhà đồng chí Phạm Như Xuyên - Phó Chủ tịch tỉnh Ninh Bình. Chồng tôi trình bày với đồng chí Xuyên, đồng chí hết sức ngạc nhiên cho rằng sao lại có chuyện tỉnh Ninh Bình chưa đồng ý! Đồng chí nói: "Việc này là rất phù hợp với tập tục của dân tộc ta, tôi tin rằng nhân dân sẽ hoàn toàn ủng hộ, mọi việc cứ thế tiến hành bác ạ. Văn bản có gì chưa thích hợp ta sẽ bổ sung sau". Rồi đồng chí liên lạc ngay với đồng chí Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội bằng điện thoại, nhưng không gặp được. Đồng chí quay ra nói chuyện tiếp với chồng tôi: "Bác cứ nói với bà, công việc sẽ được tiến hành suôn sẻ 100%". Rồi đồng chí ân cần hỏi chồng tôi đi bằng phương tiện gì? Nhà tôi bảo anh đi xe ôm. Đồng chí khuyên nhà tôi ở lại và nói: "Tôi sẽ bố trí bác ở nhà khách Ủy ban tỉnh". Nhưng chồng tôi sốt ruột, muốn về nhà ngay để còn đi Hà Nội báo cáo tình hình làm việc ở tỉnh

Ninh Bình. Anh đi xe ôm về tới Nam Định lúc 21 giờ 30 phút liền gọi ngay cho Mai Thiên thông báo kết quả chuyến đi Ninh Bình. Ngay sau đó, lúc 22 giờ anh Yên gọi lại cho chúng tôi nói: "Mai gia đình phải đi Ninh Bình một chuyến nữa" và trao đổi nội dung công việc cần làm trong chuyến đi đó.

Sáng 6-1-1998, ba anh em là chồng tôi, Thành, Thực lại lên đường thực hiện chuyến đi thứ hai. Vào đến Ninh Bình chạy như con thoi từ Ủy ban nhân dân tỉnh đến Ủy ban nhân dân huyện Gia Viễn... Mặc dầu trong tay đã có công văn của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình gửi cho hiệp hội UNESCO Việt Nam, Hội Nhà văn Việt Nam, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Ủy ban nhân dân huyện Gia Viễn, nội dung công văn có đoạn ghi: "... Việc xác minh rõ phần mộ của Nam Cao do Ban tổ chức chương trình "Tìm lại Nam Cao" đề xuất là phù hợp với nguyện vọng của gia đình và xã hội... Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình giao cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Ninh Bình là thành viên Ban tổ chức được Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ủy quyền (tại công văn số 3919/LĐTĐ-XH-CV ngày 20-11-1996) và Ủy ban nhân dân huyện Gia Viễn tạo mọi điều kiện để Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Hội Nhà văn Việt Nam, các ngành trung ương cùng gia đình

nhà văn Nam Cao thực hiện đảm bảo việc cất bốc, đưa hài cốt an toàn và đúng thời gian quy định". Công văn trên do đồng chí Phạm Như Xuyên thường vụ Tỉnh ủy, Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình ký ngày 6-1-1998. Nhưng 14 giờ cùng ngày, gia đình tôi đến Phòng Lao động Thương binh và Xã hội huyện Gia Viễn gặp đồng chí Trưởng phòng thì đồng chí Trưởng phòng báo cáo Chủ tịch huyện rồi cho chúng tôi biết, dù có công văn này của tỉnh, vẫn chưa giải quyết được việc cất bốc mộ. Lo lắng đến tột độ, gia đình xin gặp Chủ tịch huyện nhưng vẫn được trả lời như trên. Ba anh em ngao ngán ra về. Vừa đến Nam Định, Thực gọi điện báo cáo anh Trịnh Yên ngay. Lúc này gia đình tôi thực sự thất vọng, mọi người im lặng, mỗi người theo đuổi một ý nghĩ riêng, nhưng tựu trung lại đều cho rằng thế là thất bại rồi, không biết bao giờ công việc mới được tiến hành tiếp.

Nhưng thật bất ngờ, ngay sáng hôm sau, ngày 7-1-1998 lại nhận thông tin: mọi việc sẽ được thực hiện theo đúng tiến độ của Ban tổ chức chương trình. Thì ra ngay đêm 6-1-1998, lãnh đạo tỉnh Ninh Bình đã cử hai đồng chí là Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và Thư ký vụ Ủy ban tỉnh, khẩn trương đi Hà Nội gặp lãnh đạo Bộ Lao



*Con gái nhà văn (Trần Thị Hồng), chỉ ngôi mộ 306
cho mọi người*

động - Thương binh và Xã hội để giải quyết vướng mắc, nhằm tạo điều kiện cho công việc diễn ra suôn sẻ. Thế là những ưu phiền của gia đình tôi trong hai ngày qua đã được giải tỏa. Bảy giờ mỗi lần nhớ lại việc này, chúng tôi vẫn vô cùng cảm động về tình cảm tốt đẹp của đồng chí Toàn và đồng chí Xuyên, những cán bộ lãnh đạo hết lòng vì dân.

Chiều ngày 7-1-1998 các đoàn trong chương trình, tự túc phương tiện tập kết tại huyện Gia Viễn, Ninh Bình. Gia đình tôi có mặt lúc 16 giờ.

Chỉ 5 phút sau, đoàn của Viện Khoa học hình sự (Bộ Công an) tới và 17 giờ các đoàn đến đông đủ cả bắt đầu cuộc họp ngay. Cuộc họp này diễn ra từ lúc đó cho tới tận 12 giờ đêm. Đến đây lại có vấn đề đặt ra với chúng tôi là: Từ trước đến giờ này ai cũng định ninh sẽ cất bốc mộ 305 và 306 để đưa hài cốt về Viện Khoa học hình sự thẩm định. Nhưng ngay đầu cuộc họp Ban tổ chức thông báo: Theo ý kiến của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, để đảm bảo chính sách của thương binh liệt sĩ nói chung, Bộ chỉ cho phép cất bốc một ngôi mộ thôi, gia đình lựa chọn ngôi nào tùy ý. Tiếp theo có người nói: Sau khi khai quật mộ đưa đi thẩm định xong, nếu hài cốt không đúng là của cha tôi, sẽ không được đưa hài cốt trở lại nghĩa trang huyện Gia Viễn nữa.

Về ý kiến thứ nhất, sau khi bàn bạc trong gia đình, chúng tôi xin bốc mộ 306 vì trong bảy nhà ngoại cảm, làm việc tại hội trường Ủy ban nhân dân huyện Gia Viễn hôm 24-11-1998 có tới bốn người chỉ cha tôi nằm trong mộ 306 và trước khi vào họp, cả nhà tranh thủ ra nghĩa trang thắp hương xin cha chỉ bảo, lúc tới mộ 306 trong số anh em có người đã cảm nhận được điều gì đó, nhưng không diễn tả bằng lời được. Còn với ý kiến thứ hai, chúng tôi đang thực sự lo lắng chưa biết nghĩ

sao thì rất may, anh Trọng là Phó chủ tịch huyện Lý Nhân đồng thời trực tiếp phụ trách công tác thương binh xã hội, lại cũng là thành viên của chương trình nói ngay: "Nếu hài cốt đó không phải là ông Nam Cao mà là bất kỳ liệt sĩ nào, Lý Nhân sẵn sàng nhận đưa vào nghĩa trang huyện nhà". Lúc đó, chúng tôi thật mừng nghĩ rằng nếu mọi việc thuận lợi thì chẳng bao lâu nữa, gia đình sẽ được gặp cha tôi sau 46 năm xa cách. Nhưng vừa mừng xong lại thấy lo, lo rằng người nằm trong mộ sẽ khai quật kia thật đúng là cha tôi chưa và liệu còn xảy ra điều gì nữa không?

Hội nghị kết thúc lúc 12 giờ đêm 7-1-1998 thì 2 giờ sáng 8-1-1998 (tức là sau hai giờ nghỉ ngơi) mọi người đã có mặt đông đủ tại nghĩa trang, làm xong mọi thủ tục cần thiết. Anh em thanh niên địa phương bắt đầu đào đất để đưa tiểu lên. Theo ý kiến của ông Nhị là chuyên gia tại Viện Hán Nôm, nắp tiểu phải mở ra trước 4 giờ sáng. Đến 3 giờ 30 thấy công việc còn khá nhiều các anh: Lân thành viên Ban tổ chức, Trọng phó chủ tịch huyện Lý Nhân, Xương bí thư Đảng ủy xã Hòa Hậu sốt sắng tham mưu cho gia đình đến động viên anh em khẩn trương để công việc suôn sẻ. Rồi giờ phút thiêng liêng nhất đối với gia đình tôi đã tới. Vào lúc 3 giờ 45 phút, nắp tiểu được mở ra, hai hàm răng của cha

tôi còn nguyên vẹn, cái răng nanh bị gãy nhìn rõ phần lợi. Chú ruột tôi khóc lên nức nở nói: "Đúng anh tôi đây rồi! Anh ơi! Các cháu lặn độn tìm anh suốt mấy chục năm qua, nay thì đã gặp được anh rồi". Còn đồng chí thượng tá công an giám định viên pháp y Trần Đức Đĩnh ngắm nghía hộp sọ cha tôi một lúc, liền chỉ vào tôi nói: "Người liệt sĩ này rất giống bà kia". Ai đó, ở gần đấy thủng thảng: "Hai cha con lại chả giống nhau thì sao?". Hai cô em dâu tôi (đều không biết mặt cha tôi) cũng kêu lên: "Răng ông giống răng chị Hồng quá".

Xong mọi thủ tục, mới hơn 4 giờ sáng, Ủy ban nhân dân huyện Gia Viễn giữ cả đoàn lại cho ăn cháo gà. Nhưng chú tôi sợ phải chuyển hài cốt đi vào ban ngày có ánh sáng mặt trời nên chúng tôi phải từ chối khéo bữa cháo gà để đưa hài cốt cha tôi về Viện Khoa học hình sự cho kịp lúc trời sáng. Về tới Viện Khoa học hình sự vào lúc 6 giờ sáng, mặc dầu vừa thức suốt đêm, hai đồng chí cán bộ của Viện Khoa học hình sự là Đĩnh và Tuấn liền bắt tay ngay vào việc. Đến 14 giờ 30 phút hôm đó, đồng chí Đĩnh gọi điện đến nhà Mai Thiên ở Hà Nội thông báo sơ bộ việc nhận diện. Đồng chí nói: "Người liệt sĩ này cao từ 1,73 mét đến 1,75 mét, tuổi đời khoảng từ 35 đến 40, hàm răng bị vỡ, một chiếc răng bị gãy từ trước khi mất". Về chiều cao,



*Hài cốt nhà văn đưa vào hộp xấp
tại nghĩa trang Gia Viễn*

độ tuổi và chiếc răng bị gãy, chúng tôi hoàn toàn yên tâm vì chiều cao cha tôi khoảng 1,75 mét, độ tuổi là 36. Chiếc răng gãy thì mẹ tôi kể nhiều lần, cha tôi có một chiếc răng nanh bị gãy. Nhưng bảo cha tôi bị vỡ thì chúng tôi giật mình, chúng tôi bảo nhau: "Cha mình có vỡ đâu nhỉ". Quan niệm của chúng tôi: Vỡ là khi ngậm miệng lại, hàm trên phải đưa ra ngoài môi. Nhưng chú tôi bảo: "Bố cháu có bị vỡ đấy, nhà mình bà nội cũng vỡ, các cháu nhìn ảnh bà mà xem". Chúng tôi bàn tán một hồi, rồi để cho chắc, lên ô tô kéo nhau vào

Viện Khoa học hình sự. Khi nghe chúng tôi đề cập "vỏ" hay không "vỏ", anh Đinh giải thích "vỏ là khi ngậm miệng lại hai hàm răng không khít vào nhau hoàn toàn, chứ không phải là khi ngậm miệng lại hàm răng phải chia ra ngoài môi đâu". Anh nói thêm: "Còn tôi bảo có một răng gãy trước khi mất vì nếu là răng rụng trước khi mất, thì sau một thời gian chỗ lợi đó phải đầy lên chứ không lõm như của liệt sĩ này". Anh còn cho chúng tôi xem hộp sọ của Người, chỉ cho chúng tôi viên đạn găm vào còn nằm lại đó. Anh mang xương đùi cha tôi ra so vào nhau để cả nhà nhìn thấy cái dài, cái ngắn (đúng như lời Bích Hằng nói hôm 24-11-1996).

Rời Viện Khoa học hình sự, trong lòng thanh thản, cả nhà lên xe trở về Nam Định. Tới được nhà, chậm mất 5 giờ so với hợp đồng thuê xe ô tô. Anh lái xe tên là Bảo không một lời ca thán, còn rút ra 150.000 đồng đưa cho tôi rồi bảo: "Cháu xin được phúng ông". Cũng như trước đó, sau khi các "nhà ngoại cảm" làm việc hai lần ở Gia Viễn và Hà Nội, Gia đình tôi tìm đến Hội Liên hiệp khoa học công nghệ tin học ứng dụng để cảm ơn, đồng thời có một chút để bồi dưỡng công sức của anh chị em. Nhưng không ai chịu nhận, mọi người đều bảo vì yêu quý cha tôi nên giúp gia đình chứ không nỡ nhận tiền

bồi dưỡng. Sau đấy chị Bích Hằng còn gửi tặng chương trình một tháng lương. Qua việc tìm mộ cha tôi, gia đình nhận ra một điều: Trên đời này còn nhiều tấm lòng nhân ái lắm!

Cha tôi nằm lại Viện Khoa học hình sự 10 ngày để thẩm định và chờ Mai Thiên đi công tác nước ngoài về. Trong thời gian đó cháu Hoàng (con Mai Thiên) sống ở Hà Nội, thường xuyên vào thăm ông nội. Cháu cho biết các đồng chí ở Viện Khoa học hình sự vẫn đêm ngày hương khói cho cha tôi. Chúng tôi vô cùng cảm động và biết ơn các đồng chí.

Hôm đến đón hài cốt cha tôi từ Viện Khoa học hình sự đưa về quê, cũng có hai việc đáng mừng:

Một là vừa gặp tôi, Thiên bảo: "Chị ơi! Em về tới nhà, vội vào ngay Viện Khoa học hình sự, nhìn thấy cha một cái là em cứ hình dung đến chị. Lúc đó em nhớ lại, trước đây cứ mỗi lần gặp em, chú Nguyễn Đình Thi lại bảo: "Trong bốn đứa chúng mày, chỉ có con Hồng giống cha nhất, ba đứa con trai không đứa nào giống cha bằng nó".

Hai là lúc gặp anh Lâm, một người trong ban điều hành chương trình, anh khoe ngay: "Hôm ở nghĩa trang Gia Viễn về Hà Nội, vừa đến nhà tôi gọi điện cho Bích Hằng tại nhà riêng, Bích Hằng bảo: "Cháu vừa "gặp" bác Nam Cao. Bác cho biết:

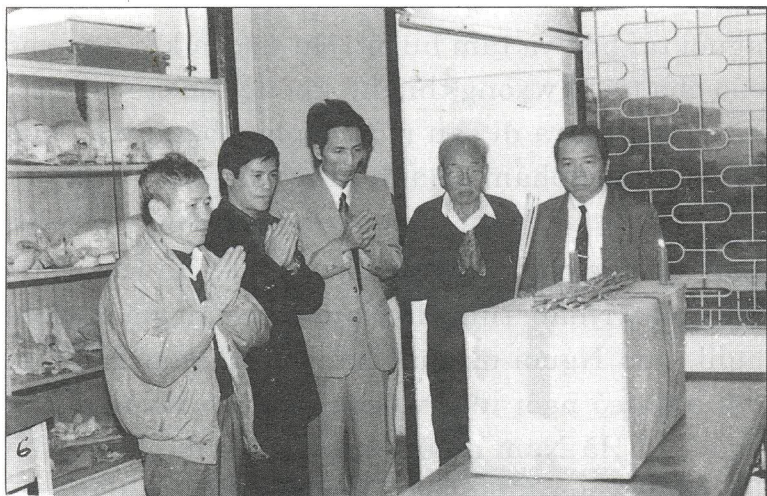
Mộ bác đã được chuyển về Viện Khoa học hình sự rạng sáng ngày 8-1-1998. Lúc khai quật mộ không có mặt bác gái và con trai cả. Có mặt em trai bác, hai người con trai thứ và vợ chồng người con gái. Ngoài ra có thêm một người nữa, không phải là ruột thịt".

Những thông tin này đúng với thực tế (người Bích Hằng nhắc đến cuối cùng là con rể tôi, chồng cháu Bích Thủy con gái của chúng tôi). Dù đêm 8-1-1998 Hằng không có mặt tại nghĩa trang Gia Viễn cũng không có mặt tại Viện Khoa học hình sự.

Đến lúc này cả gia đình tôi đều tin tưởng, người nằm trong mộ 306 ở nghĩa trang huyện Gia Viễn chính là cha chúng tôi. Mọi người vui mừng khôn xiết, chỉ biết cảm ơn những tấm lòng đầy tình nghĩa đã giúp gia đình tìm được người thân.

Cha tôi về với quê hương

Khi cha tôi nằm tại Viện Khoa học hình sự, thì gia đình cùng Ban tổ chức chương trình và chính quyền nơi quê hương gấp rút việc chuẩn bị địa điểm yên nghỉ của Người. Lúc đầu đoàn khảo sát định xây mộ cha tôi cạnh trụ sở Ủy ban nhân dân xã Hòa Hậu. Sau khi cân nhắc mọi mặt, với sự



Hài cốt nhà văn đưa về Viện Khoa học Hình sự

tham mưu của ông Nhị chuyên gia Viện Hán Nôm, các đồng chí lãnh đạo chủ chốt của xã là đồng chí Hiếu chủ tịch, đồng chí Xương Bí thư Đảng ủy đề xuất một địa điểm ngay cạnh đường làng, bên dòng Châu Giang, lại là mảnh đất trước đây gia đình tôi từng sinh sống, cha tôi nhiều năm viết văn tại đó. Với chủ ý rằng: Đưa cha tôi về với mảnh đất Người đã sinh ra, xung quanh nơi ông nằm là vườn chuối ngự, đặc sản của quê hương, xưa kia dùng để tiến vua, nay mọi người dân ai ai cũng có quyền thưởng thức. Còn người dày công nghiên cứu thiết kế ngôi mộ của cha tôi là kiến trúc sư Kiều Tuấn. Anh là

người tài, hoa và tâm huyết, chỉ tiếc là khi ngôi mộ của cha tôi xây xong thì anh không còn trên cõi đời này. Anh đã ra đi sau một cơn bạo bệnh mà chưa kịp nhìn tác phẩm do anh sáng tác.

Sáng 18-1-1998, chương trình "Tìm lại Nam Cao" đã đưa cha tôi từ Hà Nội về quê: Xã Hòa Hậu, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam. Lúc đầu gia đình đề nghị, đưa Người đi qua thành phố Nam Định, là nơi hiện có ngôi nhà vợ con đang ở. Nhưng lãnh đạo tỉnh Hà Nam muốn đưa cha tôi đi qua huyện Lý Nhân, qua tổng Cao Đà xưa để nhân dân quê hương được chào đón Người. Chúng tôi nhận thấy suy nghĩ của lãnh đạo tỉnh Hà Nam mang đầy tình nghĩa quê hương nên thống nhất ủng hộ.

Tiền cha tôi về quê, có đầy đủ các đơn vị tham gia chương trình "Tìm lại Nam Cao" cùng bạn bè đồng nghiệp của cha tôi. Đoàn xe tới tỉnh Hà Tây, gặp đoàn lãnh đạo tỉnh Hà Nam ra đón. Suốt chặng đường xe chạy trên quê hương Hà Nam, cờ Tổ quốc tỏa rợp hai bên đường, các đồng chí công an quân phục chỉnh tề trang nghiêm chào đón. Nhân dân nô nức, mọi người rung rung cảm động.

Đoàn xe về đến địa điểm đón tiếp lúc 8 giờ sáng. Tại đây, các đồng chí lãnh đạo địa phương, họ hàng thân thích, bầu bạn của cha tôi và gia đình, nhân dân quê hương... đã tề tựu đông đủ...



Diễn viên Bùi Cường, nhà văn Kim Lân, con gái, con trai cả, vợ và con dâu thứ của nhà văn.

Lễ truy điệu Người được cử hành trọng thể trong tiếng nhạc trầm hùng. Dự buổi lễ có giáo sư tiến sĩ Phạm Huyền, Chủ tịch Hiệp hội UNESCO Việt Nam, nhà văn Nguyễn Đình Thi Chủ tịch Ủy ban toàn quốc liên hiệp các hội văn học nghệ thuật Việt Nam. Ban chấp hành Hội Nhà văn Việt Nam, các nhà văn, nhà thơ lão thành: Kim Lân, Tố Hữu... đại diện Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội cùng các ngành hữu quan ở Trung ương, lãnh đạo Viện Khoa học hình sự (Bộ Công an), lãnh đạo tỉnh Hà Nam, huyện Lý Nhân, xã Hòa Hậu. Các đồng chí



Lễ đón nhận hài cốt nhà văn về quê.

lãnh đạo các cơ quan nơi con cháu của cha tôi cũng có mặt đầy đủ. Đến dự lễ truy điệu người còn có đông đảo bà con dân làng, ngõ xóm, họ hàng thân thích cùng vợ con cháu chắt của Người. Trong lễ truy điệu đó bà Vũ Thị Ngọc Thanh phó chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam đọc diếu văn tỏ nỗi vui mừng về việc đã tìm thấy hài cốt cha tôi, đưa về quê hương. Giọng bà rưng rưng cảm động và đầy lòng tự hào về những đóng góp của cha tôi trong sự nghiệp văn chương cũng như về tinh thần chiến đấu kiên cường của Người trước kẻ thù xâm lược. Gia đình chúng tôi vô cùng cảm động và biết ơn đối với mọi người về tất cả những điều đó.

Đôi dòng cảm tạ

Nguyện vọng tìm hài cốt của cha tôi, đưa về an nghỉ trên quê hương là ước vọng thầm kín và nung nấu của mẹ tôi từ lâu. Mẹ tôi thường tâm sự: Hai điều mong ước của mẹ là thay cha nuôi dạy các con nên người và tìm được mộ ông đưa về quê hương. Đến đây mẹ tôi đã thực hiện được cả hai điều ước, mẹ tôi đã nuôi bốn chị em, dù đôi khi thiếu thốn nhưng đều được học hành. Chúng tôi luôn noi theo gương cha mẹ, phát huy truyền thống gia đình làm tốt mọi việc được Đảng và nhân dân giao phó. Và tới lúc này, việc tìm kiếm cha tôi, đưa Người về với vợ, con, gia đình và quê hương đã được thực hiện. Dù rằng việc đó thật gian truân vất vả trong thời gian dài của gia đình từ trước khi có chương trình "Tìm lại Nam Cao".

Sau đó, trong hai năm nữa với một chương trình có tới gần 40 đơn vị tham gia. Trong đó, biết bao công sức, tiền của cần huy động. Đặc biệt hai đơn vị khởi xướng chương trình là câu lạc bộ UNESCO Việt Nam và Hội Nhà văn Việt Nam với bao nỗ lực nên mới đạt được kết quả đó. Những việc làm tình nghĩa, những tấm lòng nhân ái không giấy bút nào tả xiết được. Khi công việc hoàn tất, anh em trong gia đình (thay mặt mẹ già) đã lần lượt gặp gỡ các cơ quan, đơn vị để có lời cảm

ơn về sự giúp đỡ cha tôi cùng gia đình. Nhưng việc làm của chúng tôi còn nhiều hạn chế và thiếu sót. Bản thân tôi nung nấu một ý nghĩ sẽ phải nói lên được điều gì đó, nhằm một lần nữa cảm tạ mọi người song, những ngày tiếp đấy, mẹ tôi yếu đau, rồi qua đời. Chúng tôi phải lo chăm sóc mẹ, lúc bà ốm đau và tổ chức tang lễ khi bà qua đời. Vì vậy cho tới nay, qua bài viết này, một lần nữa, xin thay mặt các em và gia đình, tôi xin được ngàn lần cảm ơn Đảng, Nhà nước, các cơ quan đoàn thể, bạn bè, đồng chí, đồng nghiệp của cha tôi và gia đình, anh em họ hàng, bà con trên quê hương và tất cả những ai đã từng giúp đỡ gia đình chúng tôi.

Khi được tin gia đình đang nỗ lực tìm hài cốt cha tôi, những người ở xa không có điều kiện tiếp xúc với gia đình, đã gửi thư để tỏ lòng mong muốn tìm được cha tôi đưa về quê hương, hoặc để thể hiện sự vui mừng khi đã tìm được cha tôi.

NHỮNG NGƯỜI THÂN CỦA NHÀ VĂN NAM CAO

Cụ tôi (ông nội nhà văn) là cụ Trần Hữu Trung quê làng Đại Hoàng tổng Cao Đà, phủ Nam Sang nay là xã Hòa Hậu, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam. Cụ sinh trưởng trong một gia đình nhà nho nghèo nổi đời dạy học. Riêng cụ vừa dạy chữ nho tại nhà vừa làm nghề bốc thuốc bắc, thuốc nam.

Sống trong cảnh nước nhà bị thực dân đô hộ, dân lành bị đầy đọa lầm than, lòng cụ bút rút không yên. Khi phong trào Cần vương bùng lên, cụ rủ thêm mấy người bạn mở một trường tư ở làng để dạy chữ nho, với mong muốn tập hợp môn sinh, nuôi chí lớn cứu nước, cứu dân. Nhưng sự nghiệp của các cụ chưa thành đã bị bại lộ. Bọn giặc Pháp đàn áp dã man, thầy trò phiêu bạt mỗi người mỗi nẻo. Cụ Trung đem theo cả vợ, con tới lánh nạn tại xã Phúc Nhạc, Phát Diệm, Ninh Bình.

Cụ bà là người phụ nữ tài sắc vẹn toàn và nhất mực yêu thương chồng con. Hai cụ có bốn người con trai và hai người con gái. Năm người con của

hai cụ (bà trai hai gái) sinh sống cùng các cụ đến hết đời tại xã Phúc Nhạc, Phát Diệm, Ninh Bình. Và sau này con cháu của họ cũng lập nghiệp và sinh sống luôn ở đó. Riêng người con trai thứ hai của hai cụ là ông nội tôi (cha của nhà văn) được cụ đưa về quê vào năm 1904, lúc đó ông mới mười bốn tuổi, với mong muốn sâu xa là để con thay cha, giữ nghiệp nhà tại quê hương.

Ông ngoại nhà văn là cụ Trần Bá Hòa được sinh trưởng trong một gia đình khá giả. Nhưng do cụ sớm dính vào cờ bạc rồi bị thua nặng nên phải bỏ làng đi biệt xứ từ lúc còn trẻ, rồi mất ở nơi đất khách quê người.

Bà ngoại nhà văn tên là Trần Thị Vân sinh trưởng trong một gia đình nghèo, nhưng cụ đẹp người, đẹp nét. Còn nhỏ cụ đã phải đi làm thuê, làm mướn để nuôi thân. Lớn lên lấy chồng vừa sinh được một người con gái và cụ mới hai mươi tuổi đời thì chồng bị thua bạc nên đã gán hết cửa nhà, ruộng vườn cho chủ nợ rồi bỏ đi biệt xứ. Cụ một mình làm lụng nuôi con trưởng thành, chuộc lại nhà cửa, ruộng vườn. Rồi kén rể gả chồng cho con, đưa luôn rể về ở trong nhà và sau này chăm lo gây dựng cho một đàn cháu ngoại. Do hoàn cảnh sống như vậy, nên cụ rất khắt khe trong việc quản lý gia đình và dạy dỗ cháu con.

Ông nội tôi (cha nhà văn) ông Trần Hữu Huệ sinh năm 1890 là con trai thứ hai của cụ Trần Hữu Trung. Hồi nhỏ ông được cha đưa đi lánh nạn cùng gia đình tại xã Phúc Nhạc, Phát Diệm, Ninh Bình. Tới năm 1940 khi ông mới mười bốn tuổi, thấy con thông minh nhanh nhẹn, tỏ ra có ý thức tự lập nhất trong số các con, cụ tôi truyền nghề thuốc cho ông, rồi gửi ông ở thôn Cao Đà là nơi nổi tiếng về nghề mộc, trong hàng tổng và cả nước. Nhờ thầy giỏi dạy dỗ ông chu đáo, mấy năm sau, cụ đưa ông về quê lập nghiệp. Tại quê nhà, ông tôi tỏ rõ là một người có ý chí trong cuộc sống nên cụ ngoại tôi nhăm ông để gả con gái và đưa về ở rể trong nhà. Nhưng vốn giàu lòng tự trọng và tự lập, ông chỉ sống vài năm trong ngôi nhà của mẹ vợ, sau đó, ông rủ thêm hai người cùng làng đến thành phố Nam Định, ba ông thuê một cửa hàng tại phố Hàng Đàn để bán đồ gỗ. Riêng ông vừa bán hàng vừa làm thuốc bắc, chữa bệnh cứu người. Sau nhiều năm chật chiu, đến năm 1920 các ông trở thành tiểu chủ. Các ông mở rộng cửa hàng, thuê thêm thợ rồi mua gỗ về sản xuất ra nhiều đồ thờ cúng như hoành phi, câu đối, long đình, đòn rồng, bát bửu và bán đi khắp nơi từ Bắc chí Nam.

Đang làm ăn phát đạt thì dùng một cái, vài chuyến hàng lớn đưa đi xa mất sạch. Các ông bị phá sản. Ông nội tôi đành trở về quê, lúc này ông

bà đã có một đàn con khá đông đang tuổi ăn, tuổi học. Cụ tôi đã về già và mọi việc làm ăn sinh sống ở nhà quê cũng gặp nhiều khó khăn. Ông lại bắt đầu lao vào công việc: cải tạo vườn tược, trồng cây ăn quả như: cam, quýt, hồng... và cây thuốc nam. Xung quanh vườn ông trồng dâu để bà nuôi tằm. Rồi mua lợn nái về nuôi để bán lợn giống. Rồi cải tạo ao nuôi thả cá và vẫn tiếp tục nghề thuốc. Thuốc của ông nhiều vị Nam hơn vị Bắc, nhưng vẫn chữa lành bệnh cho người ốm, kể cả bệnh nặng. Tiếng lành đồn xa, nên người ở gần khi ốm đau đến với ông là lẽ đương nhiên. Nhưng người hàng tổng, hàng huyện chẳng may bị bệnh cũng tìm đến ông. Giá thuốc ông tính phải chăng, gặp người nghèo khổ, không có tiền ông vẫn chữa giúp. Vì vậy người ta yêu quý và kính nể ông lắm!

Tính ông vui vẻ, sôi nổi và hay chuyện. Mỗi lần bạn của cha tôi đến chơi, ông có thể ngồi tiếp chuyện cả buổi được. Hồi chồng tôi mới trở thành cháu rể của ông, hề có lúc nào rảnh rỗi, ông lại dẫn đi khắp làng để chỉ cho anh, từ cái lò gạch nơi người ta nhặt được “Chí Phèo”, đến bến sông nơi “Thị Nở” và “Chí Phèo” tình tự. Rồi ông chỉ nhà “Bá Kiến”, nhà “Lão Hạc”, chỉ mảnh đất của ngôi nhà của gia đình chúng tôi. Sau đó ông kể khi truyện “Đôi lứa xứng đôi” của cha tôi ra đời, ông

từng bị ộng chánh Bính nhân vật “Bá Kiến” của cha tôi quát mắng thậm tệ...

Dù ông tôi là một người tài năng, và có ý chí, nhưng sau khi buôn bán thất bại, ông cũng buồn phiền mà sinh ra nghiện rượu. Mỗi khi say rượu ông nói rất nhiều. Nhìn ông say rượu, bà tôi lại thở dài buồn bã. Ông tôi ra đi vào năm 1967 đúng ngày tết Đoan ngo, thọ 77 tuổi.

Bà nội tôi (mẹ của nhà văn) tên là Trần Thị Minh sinh năm 1895. Người con gái duy nhất của hai cụ Trần Bá Hòa và Trần Thị Vân. Trời phú cho bà một sắc đẹp lầy lừng. Nước da bà nõn nà như trứng gà bóc. Miệng bà tươi như một đóa hoa. Tay bà tuy phải làm lưng cả ngày mà thật mềm mại. Mái tóc không dầu gội đất tiền, quanh năm chỉ một nắm lá xả và quả bồ kết mà vẫn mượt mà và dài óng ả.

Bà tôi luôn dịu dàng với mọi người, dù rất sến so, chất bóp nhưng không khát khe như cụ tôi. Biết dâu con phải làm nhiều mà ăn lại ít, bà thường giấu cụ, cho các con luộc nôi củ, nôi sắn để ăn đỡ dạ. Kể chuyện này, tôi nhớ một lần khi tôi mới được ba tuổi. Buổi tối cụ tôi đi lễ nhà thờ, ở nhà, bà cháu, mẹ con luộc nôi củ từ để ăn. Sợ cụ tôi biết, mọi người dặn tôi: “Hong về không được khoe với cụ là ở nhà ăn củ nhá!”. Lúc cụ tôi về, tôi chạy ngay

ra nắm tay cụ, vừa chạy lon ton theo cụ, vừa thê thọt: “Cụ ơi! Ở nhà không ai ăn củ đậu cụ ạ!”. Cụ tôi bật cười. Cụ bảo: “Chết chưa, ở nhà luộc củ ăn rồi dặn cháu về đừng khoe chứ gì?”. Lúc đó mọi người mới ngớ ra. Thật là “Lạy ông, con ở bụi này.”

Dân làng thường bảo, cụ tôi con một, cháu đàn. Bởi tuy có mình bà tôi là con gái, nhưng bà sinh cho cụ một đàn cháu: năm trai, ba gái. Bà đông con, nhiều cháu nên bận rộn sớm ngày: chăm con, làm vườn, dệt vải, nuôi tầm. Cả đời lận đận đến khi về già mắt bà bị lòa. Gần chục năm trời bà không nhìn thấy gì. Gặp thời loạn lạc, con cháu mỗi người, mỗi nẻo. Thỉnh thoảng chúng tôi trở về bà vừa sờ soạng sờ nắm khắp người chúng tôi vừa than thở: “Bà buồn lắm! Ước gì trông thấy mặt cháu, để xem cháu bà béo hay gầy.” Bà xa chúng tôi mãi mãi đúng vào ngày ba mươi Tết Nguyên đán. Chúng tôi tiễn bà ra đồng trong buổi trời lát phát mưa, cái rét thấu da, thấu thịt. Năm đó cả mất Tết.

Cha tôi có bốn em trai, người kế liên với cha tôi là chú Trần Hữu Thuật. Chú Thuật sinh năm 1918. Năm 1943 chú đưa theo người em gái chú là cô Trần Thị Khiết vào Nam làm ăn. Cách mạng bùng nổ chú nhập ngũ đánh Tây. Hòa bình lập lại chú về quê làm ăn và tham gia vào Đảng ủy xã.

Chú là người giàu tình cảm, về đến làng biết anh trai đã hy sinh, chú rất thương chị dâu và các cháu. Nhớ một lần thấy tôi ao ước có một cây đàn để tập, chú ngồi lặng lẽ mà những giọt nước mắt cứ lăn chã rơi. Tôi thấy vậy, vội lảng đi chuyện khác. Năm 1963 trong phong trào vận động dân đi vùng kinh tế mới, chú cùng ba mươi hộ dân, đưa cả gia đình lên Đoàn Hùng - Phú Thọ lập nghiệp. Chú có ba người con, một trai hai gái. Hiện chú thím đều đã mất, các em con chú thím và gia đình của chúng, vẫn trụ lại ở vùng kinh tế mới tỉnh Phú Thọ.

Chú Trần Hữu Tuân, ốm và chết lúc còn nhỏ.

Chú Trần Hữu Đạt: sinh năm 1925, chú tham gia cách mạng rất sớm và trong cuộc đời cũng nhiều thử thách.

Trước cách mạng tháng 8 năm 1945, chú gia nhập Đoàn Thanh niên Cứu quốc ở quê hương, tham gia tuyên truyền Việt minh. Rồi tổng khởi nghĩa chú cùng đồng đội đi cướp chính quyền, phá kho thóc của Nhật chia cho dân, vận động xây dựng lực lượng tự vệ. Những ngày đầu của thời kỳ kháng chiến chống Pháp chú được đoàn thể bố trí hoạt động hợp pháp trong lòng địch. Đang hăng hái với phong trào cách mạng tại quê hương, tự nhiên dân làng thấy vắng mặt chú. Rồi người ta

gặp chú diện đồ “Tây” xịn, lượn lờ trong thành phố Nam Định. Những tiếng xì xầm dị nghị bắt đầu lan truyền trên quê tôi. Người thì bảo chú không chịu được gian khổ nên đã “dinh tề”. Người lại bảo chú phản bội theo giặc rồi. Ông bà nội tôi ngấm ngấm đau khổ và hổ thẹn, nhưng còn bán tín, bán nghi. Rồi nỗi thất vọng của gia đình tôi lên đến đỉnh điểm, khi vào năm 1947 chú bị chính những đồng đội khi xưa bắt giam. Bà nội tôi cuống cuống giục già mẹ tôi viết thư cầu cứu cha tôi, song, cha tôi chỉ bảo: “Nếu nó có tội thì chẳng ai cứu được nó đâu? Mình nói với thầy mẹ đừng lo lắng quá mà ốm ra thì khổ”. Phải đến hàng năm sau gia đình mới được tin là chú vô tội. Việc chú bị bắt chẳng qua chỉ là tai nạn nghề nghiệp thôi. Bởi nhiệm vụ của chú là hoạt động bí mật, không được để lộ thân phận mình, cho nên đồng đội mới hiểu lầm rồi xảy ra như vậy. Rồi khỏi nơi giam giữ, chú lại lao vào với nhiệm vụ mới. Hai năm sau, bọn địch đánh hơi được việc làm của chú nên chúng bắt giam và tra khảo đủ mọi cực hình. Song chú một lòng giữ vững khí tiết của người chiến sĩ cách mạng. Rồi sau chú trốn thoát khỏi nhà tù đế quốc trở về tham gia công tác kháng chiến. Lại hăng say làm mọi công việc được Đảng giao cho như ngày trước. Khi hòa bình lập lại chú đã có bốn đứa con nhỏ và thím

đang mang thai đứa thứ năm. Chú xin chuyển về gần nhà công tác với mong muốn để đỡ dần cho thím phần nào. Nhưng vừa về cơ quan văn hóa của huyện, chưa được bao lâu thì cuộc cải cách ruộng đất diễn ra trên quê hương. Một tai họa lại ập đến. Như rất nhiều đồng đội của chú lúc đó. Chú bị gọi về quê, bị quy là đảng viên Quốc dân Đảng. Chú lại bị bắt và bị giam cầm truy xét đủ kiểu. Thế là thay vì chú về giúp đỡ vợ con, nay người vợ đang bụng mang dạ chửa, vừa phải lo kiếm ăn nuôi bốn con thơ, vừa lo tiếp tế cho chồng. Và chẳng bao lâu sau đó, thím sinh đứa con thứ năm. Chẳng có cách nào khác được, thím đành vút năm đứa trẻ lít nhít tụi bé ẵm, chăm chút lẫn cho nhau. Một lần, các anh chị mãi chơi, để con bé hơn một tháng tuổi, rơi xuống tổ kiến lửa. Kiến đốt, bé giẫy giụa khóc lóc thảm thiết. Người hàng xóm tốt bụng là cô Ban có việc đi qua, nghe tiếng trẻ đang khóc ngằn ngặt. Cô chạy vào vội bế bé lên và cứu chữa kịp thời nên em thoát chết. Đến ngày “sửa sai” chú được minh oan rồi được tha, lúc đó mới nghĩ đến việc đặt tên cho con. Chú bảo thím đặt tên cho nó là Kiến. Trần Thị Kiến để mà giữ lấy một kỷ niệm trong đời.

Cuộc đời chú là vậy, nhưng mỗi lần có ai bảo rằng chú thật nhiều lận đận. Chú lại cười khà khà: “Mình vẫn còn may mắn, khối người đã không giữ

được cả mạng sống nữa thì sao?” Rồi nơi giam giữ, chú sắp sửa trở lại cơ quan cũ và tiếp tục công tác ở đó đến năm 1973 thì chuyển sang một xí nghiệp sản xuất của huyện Lý Nhân. Tại đây chú phạm một sai lầm nhỏ nhỏ về mặt sinh hoạt, bị cơ quan kiểm điểm. Do tự ái cá nhân, chú đã từ bỏ tất cả: không lương bổng, không đãi ngộ để trở về làng, mặc dầu từng hơn ba mươi năm tham gia hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ. Mới hay lòng tự ái của chú cao biết nhường nào.

Chú lấy vợ vào năm 1946. Đó là thím Trần Thị Nhi con bà vợ hai của ông hương Đức. Ông chính là nhân vật “Trương Rự” tức “Thiên lôi” trong truyện “*Nửa đêm*” của cha tôi. Mẹ thím Nhi là người đàn bà trắng trẻo, xinh xắn. Đặc biệt hiền lành và hơi chậm chạp. Thím tôi giống mẹ ở điểm chậm chạp và rất mắn đẻ. Thím đẻ tới chín người con. Việc chú thím lấy nhau là do hai người tự định đoạt và cũng diễn ra thật tình cờ. Năm đó chú còn công tác thanh niên ngay ở địa phương, chú đem lòng yêu một cô nhà ở xóm trên khá xinh đẹp. Nhưng bị hai gia đình ngăn cản (vì cho rằng hai nhà còn có họ xa với nhau). Chú đang buồn chưa định yêu tiếp ai. Bỗng một lần bà hương Đức nhờ chú đến nhà bà rút hộ mả kén (nhà bà nuôi tầm ươm tơ) chú đến làm giúp và bà giữ chú ở lại ăn

cơm trưa. Cô con gái bà “hương” thấy chú tôi phong độ, chăm làm và vui tính nên mê ngay. Trong bữa cơm cô ngồi tiếp chú, vừa phe phẩy quạt, vừa gấp thức ăn cho vào bát chú, thỉnh thoảng liếc nhìn tình tứ... Sau bữa cơm chú nằm cái vông mắc ở giữa nhà để nghỉ trưa, cô chủ khéo đưa vông cho chú. Sau mấy ngày đến giúp bà “hương” chú tôi về thưa với ông bà tôi, xin cưới con bà “hương” làm vợ. Đám cưới của chú thím diễn ra chóng vánh vì đúng dịp đó cụ tôi qua đời, phải cưới chạy tang.

Thím Nhi hiền lành, chậm chạp và rất chiều chồng, chiều con. Thím có đức tính kiên nhẫn đến lạ kỳ. Nuôi chín đứa con nhỏ trong hoàn cảnh chồng luôn vắng nhà. Bọn trẻ đứa này xấp xỉ tuổi đứa kia. Chúng nghịch ngợm quấy khóc suốt ngày, nhưng chẳng bao giờ thấy thím nói to. Chẳng vậy mà một lần vào năm 1950 hai em là Thành (em ruột tôi) và Ngọc (con cả của thím) chúng nghịch ngợm đốt một tổ kiến ngay cạnh chuồng lợn. Lửa bén lên cháy chuồng lợn, cháy ba gian bếp cùng mọi đồ ăn, thức uống đựng trong bếp. Hai con lợn cháy thành than, chút nữa thì cháy cả bảy gian nhà trên, là nơi trú ngụ của mười sáu con người. Và hơn thế nữa, sau khi dập tắt được lửa, cả nhà mới sực nhớ ra đám trẻ, vội đi tìm xem chúng đâu cả rồi. Bất ngờ phát hiện ra thiếu hai đứa là hai em Thành và

Ngọc. Cả nhà thất điên bát đảo, tá hỏa đi tìm, tiếng gọi, tiếng gào khóc âm ĩ xóm giếng. Mẹ tôi dậm chân, vung tay la trời, kêu đất. Nhưng thím vẫn chỉ khẽ lằm rằm than thở. Tìm mãi, tìm mãi cuối cùng lôi được hai “ông tướng” ở một rãnh khoai nước trong góc vườn. Về sau hỏi ra mới biết, chính chúng là thủ phạm của vụ hỏa hoạn. Khi lửa rừng rục lan lên mái bếp, chúng hốt hoảng chạy ra trốn ở rãnh khoai. Nghe chúng kể, mọi người trong nhà, mặt đều tái mét đi, hoảng hồn, khiếp vía. Riêng thím tôi mặt vẫn bình thản như thường.

Bây giờ chú thím tôi đã ở tuổi tám mươi rồi. Đàn con chín người mỗi phương: cậu cả, cậu hai đi bộ đội vào Nam đánh Mỹ. Người em nằm lại chiến trường. Người anh khi trở về lấy vợ quê Thanh Hóa rồi ở lại quê vợ làm ăn. Cô con gái thứ ba lấy chồng công tác ở thành phố Vinh tỉnh Nghệ An và lập nghiệp nơi công tác của chồng. Các cô con gái còn lại và cậu con trai út sinh sống tại miền Nam. Còn lại hai ông bà già sống với mảnh vườn ông cha để lại trên quê hương, tự trồng cấy nuôi nhau và hương khói cho tổ tiên, ông bà, cha mẹ. Mỗi khi chú thím ốm đau, gọi được con cháu về tới nhà thì thường là hàng xóm đã phải đưa đi bệnh viện nếu mắc bệnh nặng. Còn nếu bệnh nhẹ thì đã khỏi rồi. Trong những người con của chú thím thì có em



*Nơi Nam Cao sinh ra và lớn lên.
Người đứng là ông Trần Hữu Đạt (em trai nhà văn).*

Kiến lúc sinh ra chịu nhiều thiệt thòi nhất vì gặp vào đúng dịp chú lâm nạn (như tôi đã kể trên) nhưng cuộc sống của em lớn lên lại may mắn. Em lấy được người chồng tốt, hai vợ chồng lại năng động giỏi giang nên làm ăn khá giả, gia đình hạnh phúc. Và chính em cũng là người đỡ dần thêm được cho chú thím về mặt vật chất.

Cha tôi và chú tuy là hai anh em ruột thịt, cùng cha mẹ sinh thành, được nuôi dạy như nhau, nhưng tính tình hai người khác nhau một trời, một

vực. Cha tôi trầm tĩnh, kín đáo và rụt rè bao nhiêu thì chú tôi sôi nổi, cởi mở và quyết liệt bấy nhiêu. Cuộc đời chú chìm nổi, vất vả là vậy mà trên gương mặt trong trẻo của chú không gợn một nét buồn.

Em út của cha tôi là chú Trần Hữu Tiến sinh năm 1937. Chú chỉ hơn tôi một tuổi. Cuộc đời của chú bình lặng hơn các anh chị nhiều. Còn nhỏ chú đi học phổ thông ở quê. Sau đó sang Trung Quốc học rồi về nước làm việc trong ngành Đường sắt, lấy vợ cùng cơ quan và sống ở Hà Nội. Chú thím có ba người con: hai gái, một trai. Các em đều sống cùng cha mẹ ở Hà Nội.

Giáp với chú Thuật tôi là cô Trần Thị Khiết. Ngay sau khi lấy chồng xong chưa có con, cô chú cùng đi với chú Thuật vào Nam tìm việc làm. Ở đây, chồng cô bị ốm rồi chết trẻ. Mấy năm sau cô tái giá. Người chồng mới của cô là chú Trần Văn Khánh quê ở thôn Thư Lâu, Nguyên Lý, Lý Nhân tỉnh Hà Nam nhưng sinh sống tại miền Nam. Cô chú có bốn người con. Rồi cô cũng ốm và mất tại Sài Gòn. Chú Khánh đem con trở về quê sinh sống. Mỗi năm gia đình chú tôi về quê ngoại một lần vào ngày giỗ ông nội tôi.

Tiếp sau chú Đạt là cô Trần Thị Trinh. Cô Trinh hoạt bát nhanh nhẹn rất ưa hoạt động. Thời trẻ cô tham gia du kích, vào tổ quân báo từng đối

mặt với những hiểm nguy và có những chiến công. Nhưng cuộc sống hôn nhân của cô có phần lận đận. Cô có vài mối tình rất đẹp với hai anh bộ đội, nhưng đều không thành. Người thứ nhất là một đại đội trưởng đẹp trai, phong độ, dũng cảm. Hai người chưa kịp kết hôn, anh đã hy sinh. Mối tình thứ hai không thành là do rào cản của tôn giáo. Rồi cô cũng lấy chồng, nhưng người chồng cô chung sống không phải là mối tình cô mong đợi.

Giáp với cô Trinh là cô Trần Thị Trạch. Cô Trạch tính tình kín đáo, trầm tĩnh giống cha tôi. Cô học hành giỏi giang và sống có nghị lực. Lớn lên cô vào ngành y tế, để mong nối nghiệp cha, ông chữa bệnh, cứu người. Nhưng cuộc đời cô ngắn ngủi, vừa bước sang tuổi lấy chồng, cô đã ra đi sau một cơn bạo bệnh.

Mẹ và các con (vợ con nhà văn)

Mẹ tôi là con thứ năm trong một gia đình đông anh em. Ông ngoại tôi làm lý trưởng ở làng. Nhưng tính ông hiền lành, ít hà hiếp dân làng. Vì vậy không phải là người bị dân làng căm ghét lắm. Ông lấy năm bà vợ, mẹ tôi là con bà vợ hai của ông.

Nhà ông ngoại tôi chỉ cách nhà ông nội một cái rãnh nước đủ để phân biệt mảnh vườn của hai nhà. Cha mẹ tôi không cùng tôn giáo. Bên nội theo đạo

Thiên chúa giáo, còn bên ngoài theo đạo Phật. Khi hai người lấy nhau, mẹ tôi phải qua lại nhà chồng hai năm trước khi cưới để học kinh thánh, đi lễ nhà thờ và làm thủ tục nhập đạo.

Lấy chồng xong, mẹ tôi trở thành con dâu trưởng của ông bà nội tôi. Cho nên mẹ được cù và ông bà quản lý chặt chẽ ngay từ lúc chân ướt chân ráo về nhà chồng.

Mẹ tôi cao lớn, khỏe mạnh và rất đảm đang, tháo vát. Tuy là con nhà khá giả nhưng mẹ không được nuông chiều, rong chơi mà trái lại phải lao động cật lực cả ngày. Khi thành dâu con của ông bà nội tôi, mẹ càng chăm chú vì cù tôi rất khát khe. Mẹ biết làm vườn, làm ruộng và thạo nghề dệt vải. Ở nhà chồng, suốt ngày ngồi trên khung cửi để dệt vải, tối đi lễ nhà thờ xong về xay thóc, giã gạo đến khuya. Sáng dậy từ canh ba để dọn sợi, giáo vải mà cơm ăn mỗi ngày chỉ một bữa vào buổi trưa, sáng ra nhịn sông, còn tối thì củ sắn, củ khoai hoặc mấy quả chuối xanh đem luộc lên mà ăn. Chồng lại biên biệt vắng nhà (cha tôi đi học, đi làm xa không mấy khi có mặt ở nhà).

Thời gian đầu sống ở nhà chồng là sự thử thách rất lớn của mẹ tôi. Dù sao, khi còn sống với cha mẹ đẻ, mẹ tôi cũng không phải thiếu cơm ăn. Mẹ tôi kể chuyện: đã không dưới ba lần ôm quần



Bà Nam Cao cùng con dâu thứ, cháu ngoại và hai con trai Trần Hữu Thành, Trần Hữu Thực (1969)

áo trốn khỏi nhà chồng. Nhưng ra tới đường, khi gặp người làng, khi gặp họ hàng người ta khuyên nhủ, mẹ tôi lại quay về. Mẹ tôi lấy cha từ năm mười bảy tuổi. Song mãi năm mẹ hai mươi hai tuổi mới sinh được tôi. Mẹ bảo “Lấy chồng được một tháng, chồng bỏ đi Sài Gòn. Ở trong đó ba năm, lúc quay về ốm lãn, ốm lóc. Mẹ phải bán đi đôi hoa tai và chiếc nhẫn, là toàn bộ vốn liếng lúc đi lấy chồng để thuốc thang. Sau đấy sức khỏe cha mới dần hồi phục và mẹ mới có mang”. Mẹ đẻ tôi xong, cụ cho cha mẹ ra ăn riêng ngay. Nhưng vẫn ở chung nhà. Lúc này chẳng còn tiền nong gì, có chút vốn thì đã bỏ ra chữa bệnh cho cha tôi hết rồi. Thế là đói ăn. Mẹ bảo: “Lúc nào cũng thèm cơm, rồi sinh ra sốt rét, cạn hết sữa, con đói suốt ngày quấy khóc. Lắm hôm ngồi ôm con, con khóc ngằn ngặt dỗ không được, mẹ cũng khóc theo”. May nhờ một lần, bà ngoại tôi sai dì Si là em út của mẹ sang thăm chị. Dì phát hiện ra mẹ tôi không có cơm ăn đến nỗi sốt lên. Từ hôm đó, cứ đến bữa ăn dì nắm cho mẹ tôi một nắm cơm, bỏ vào cái bị cói nhỏ, mang sang chái nhà bà nội tôi, treo vào cái con sỏ cột nhà (dì phải làm thế, vì sợ chó nhà ông bà nội rất dữ cắn, dì không dám vào nhà). Sau đó mẹ tôi ra lấy vào ăn. Được ăn no mấy ngày, mẹ tôi hết sốt và lại có sữa cho con bú, nên tôi đỡ quấy khóc đi nhiều. Hơn

ba năm sau, vào tháng 2 năm 1942, mẹ tôi sinh con thứ hai là trai, đặt tên là Trần Mai Thiên. Lúc nhỏ Thiên quặt quẹo luôn, và cũng vào dịp đó thím Thuật cũng sinh em Hồi. Nhà đông người chật chội, con ốm đau yếu ớt, mẹ tôi bàn với cha tôi xin ra ở riêng. Cha mẹ tôi mua ba sào vườn, một cái nhà cột tre, lợp lá mía của ông Luân người ở xóm 5 cùng xã. Ông Luân bán nhà để ra Nam Định làm ăn. Nhưng vào thời đó, cha mẹ tôi kiếm được ít tiền quá nên phải vay nợ để mua nhà, vườn. Mua nhà xong làm không đủ ăn lại công nợ, mẹ tôi sốt ruột nên luôn bần gắt và cau có cả ngày. Vì mẹ tôi là một phụ nữ đảm đang, tháo vát nhưng lại nóng nảy chứ không điềm tĩnh như cha tôi. Truyện “*Bài học quét nhà*” của cha tôi được ra đời trong thời gian đó, đầu năm 1943 dọn đến nhà mới được một năm. Tôi gần năm tuổi, Mai Thiên hơn một tuổi, chưa biết đi. Bình thường mẹ thuê một chị hơn tôi bốn, năm tuổi để chị bế Mai Thiên cho mẹ đi làm. Hàng ngày, chị cấp em rong chơi khắp xóm. Tôi theo chị như hình với bóng. Nhưng cuộc sống khôn khó hơn, mẹ tôi không thuê chị nữa. Mẹ giao em cho tôi trông nom và mọi việc đã xảy ra đúng như câu chuyện cha tôi mô tả.

Năm 1944 mẹ tôi sinh thêm em Trần Thị Bình Yên. Em Yên đẹp tựa thiên thần: da trắng hồng,

môi mọng đỏ, miệng cười rạng rỡ, tay chân múp míp... Nhưng mới được hơn một tuổi, em bị một trận kiết lỵ, không qua khỏi nên sớm rời bỏ chúng tôi ra đi ngay trong năm 1945. Hôm tiễn em ra đồng, trời nổi cơn dông: mưa trút xối xả, gió rít ào ào. Cả nhà tôi khóc suốt suốt. Di Si tôi lăn lộn khóc than thảm thiết gọi cháu. Di khóc át cả tiếng gió thét, mưa gào. Mẹ tôi, khóc không thành tiếng được nữa, giọng mẹ khản đặc, chỉ nghe thấy “khào ào” nơi cổ họng. Tôi lúc đó gần bảy tuổi. Đầu tiên tôi còn ngỡ ngỡ, ngác ngác chưa thật hiểu điều gì đang xảy ra. Đến lúc thấy người ta thả em xuống hố lấp đất tôi mới khóc và gào âm lên: “Sao lại đem chôn em tôi thế này, trả em tôi đây...”. Khi chúng tôi ra về, bãi tha ma ngập nước. Mọi người lội bì bõm, tôi ngã dúi, ngã dụi suốt dọc đường.

Chôn cất em Yên xong là đắp vào trận đói tháng ba năm Ất Dậu. Người chết đói đầy đường. Một hôm tôi theo mẹ ra chợ gặp bà ngoại. Bà mua cho một cái bánh đa, tôi vừa đỡ bánh từ tay bà, bị người ta đói quá giật lấy ăn. Bà cháu nhìn nhau ngỡ ngẩn. Gia đình tôi, những ngày đầu trận đói, mỗi ngày một người còn được hai bát cháo rau má. Mai Thiên khi đó còn dở tính, múc cháo ra bát xong, phải để cả đũa cho em chọn lấy hai bát em

cho là to nhất, rồi cả nhà mới được ăn. Hôm nào đó lơ ăn trước là em lăn ra khóc, hồn dỗi hàng giờ liền. Rồi gạo nấu cháo cũng không còn, kiếm được gì ăn nấy, từ bắp ngô non chưa kịp ra hạt đến những cái bẹ còn non của cây chuối. Cuối cùng là đào củ chuối lên ăn. Khoảng tháng 5 cha tôi từ Hà Nội trở về. Vừa vào đến nhà, cha tôi nằm sượng ngay xuống cái võng mắc ở giữa nhà, chẳng nói, chẳng rằng. Mẹ tôi méo máo: “Sao bây giờ mình mới về, con Yên chết mất rồi, mình ơi!”. Cha tôi lặng đi một lát, rồi Người thì thầm như nói với riêng mình: “Thế cũng còn là may, tôi tưởng hôm nay về đến nhà, mọi người chết hết cả rồi, không còn được nhìn thấy mình và các con nữa”. Rồi cha tôi kể với mẹ, cảnh chết đói ở Hà Nội. Cảnh cha tôi bị Nhật chiếm trường phải lang thang ăn nhờ bạn bè để qua cơn đói khát ra sao. Cha tôi về lần ấy rồi ở nhà luôn, sau đó mẹ tôi có mang em Thành. Lần mang thai này mẹ tôi ốm nặng. Hàng mấy tháng trời, không ăn được cơm. Mỗi ngày mẹ chỉ ăn một tấm bánh đúc hột (nấu cả hạt gạo như cháo đặc, lọc chút nước vôi vào). Mẹ tôi không làm được việc gì, đúng vào dịp chuẩn bị cho cuộc cách mạng tháng 8 năm 1945. Cha tôi đi vắng suốt ngày, hết hợp hành lại mít tinh, diễn thuyết... Tôi gần bảy tuổi mà phải lo cơm nước, chợ búa, dọn dẹp nhà cửa và

chăm mẹ... Đến tháng 2 năm 1946, mẹ tôi sinh em Thành.

Mẹ sinh em Thành xong, con còn đỏ hỏn đã phải dắt díu nhau đi tản cư. Bốn mẹ con với một bị quần áo trên vai ra đi. Lúc đầu chạy quanh quần ở làng Đồng Nhuệ thuộc phía bắc huyện Lý Nhân. Mẹ tôi mua sợi rối về gỡ ra, nối lại, guồng vào thành con sợi, mang đi bán lấy tiền nuôi chúng tôi. Cha tôi công tác gần đó thỉnh thoảng lại ghé về thăm mẹ con. Những lúc cha tôi được ở gần nhà, mẹ tôi mang cái guồng sợi ra gốc tre, gốc nhãn ngồi gỡ sợi. Cha tôi ngồi cạnh mẹ rì rầm chuyện trò. Chúng tôi quanh quần bên cha mẹ nhặt lá tre, lá nhãn để đun. Đêm đến cả nhà chui vào cái ổ rơm trải trong bếp nhà chủ để ngủ. Rồi sang năm 1947 cha tôi đi xa. Người lên Việt Bắc làm việc. Trước khi đi, cha tôi dành vài ngày đưa mẹ con đi tản cư xa hơn, mong ổn định cuộc sống lâu dài cho vợ con. Hôm chúng tôi ra đi thật là một kỷ niệm nhớ đời. Buổi tối hôm đó, cả nhà lên con dò dọc chỗ mía để đi. Gần nửa đêm, trời nổi cơn dông, rồi một trận mưa ập đến! Mưa xối xả, nước trút xuống đầu, xuống mặt, không sao ngồi trên đò được. Cả nhà phải bồng bế nhau lên bờ để trú mưa. Cha tôi gầy gò, run rẩy, lưng còng Mai Thiên, tay dắt tôi bước đi. Mẹ tôi bế em Thành và đeo bị quần áo to đùng theo sau. Vừa mới đi được mấy bước, cha tôi đã

nghe một tiếng “hự” rõ to, kèm theo là tiếng em Thành khốc thất thanh ở ngay phía sau lưng. Vội vã đưa hai chị em vào cái lều hoang bên đường, cha tôi trở lại chỗ hai mẹ con, đã thấy cả hai đang chới với dưới một cái hố “tăng xê” người ta đào để tránh máy bay. Cha tôi hốt hoảng kêu lên “Chết thôi! Ngã xuống hố rồi, liệu con có việc gì không?”. Rồi Người kéo mẹ tôi lên, đưa được vào lều. Khoảng nửa giờ sau thì trời tạnh hẳn. Chúng tôi tiếp tục cuộc hành trình. Sau cơn mưa, trời bỗng trong xanh. Trăng sao vàng vạc. Ngày hôm sau, nắng như đổ lửa. Chúng tôi tới nơi tản cư lúc trời đã xâm xẩm tối, sau một đêm dầm mưa và một ngày phơi nắng. Cả nhà ai nấy mệt rã rời.

Nơi chúng tôi tản cư là nhà cụ Xoan, ở làng Khóm thuộc huyện Thanh Liêm tỉnh Hà Nam. Đó là một vùng chiêm trũng, xung quanh nhà nước ngập mênh mông, muốn đi đâu là phải dùng thuyền. Cụ Xoan năm đó đã ngót tám mươi tuổi. Cụ già yếu và không có con. Nhà nghèo, nhưng cụ tốt bụng. Cụ yêu quý chúng tôi như con cái trong nhà. Nhà cụ gồm một gian, hai chái, cột tre, lợp lá mía. Ngay đêm đầu tiên chúng tôi ngủ trong nhà cụ, gặp trận mưa, nhà dột tứ tung. Mấy bà cháu tôi thì nhau đem mọi thứ có thể hứng nước được bày ra khắp nhà, để hứng nước ở những chỗ dột.

Sau này trong cuốn nhật ký “Ở rừng” cha tôi ghi “... Đồi như toàn mưa cả, mưa vào những dịp quan trọng. Mưa vào những lúc bước ra đi. Mưa! Mưa! Cái đêm trên thuyền múa. Cái đêm mưa trong nhà dột của bà cụ Xoan...” là có ý nhắc đến những trận mưa trong đời, trong đó có hai trận mưa này.

Đêm đó, cha tôi nghỉ lại cùng vợ con để ngày hôm sau lên đường đi Việt Bắc. Sau này mẹ tôi kể: sau khi ba đưa con nhỏ ngủ rồi. Cha mẹ nằm sát vào nhau, thúc gằn hết đêm mà chẳng nói được gì nhiều. Bà bảo: “Mẹ thấy hết được tình yêu thương của cha con đối với mẹ. Khi ấy mẹ vừa sung sướng vừa buồn rũ rượi. Rồi mẹ nghe thấy tiếng súng nổ từ đằng xa vọng lại, lúc mau, lúc thưa... Nằm sát bên chồng, hơi ấm của chồng thấm vào người, một cảm giác êm đềm mà ảo não, cổ mẹ nghẹn lại. Hơn lúc nào hết, mẹ thấm thía câu nói của cha con lâu này:

- Chưa đuổi cổ hết được thằng Tây ra khỏi đất nước này, thì dân mình làm gì có hạnh phúc! Đời mình chẳng hơn gì đời một con chó.” Nói xong câu đó, mẹ tôi chột lạng đi một lát, mắt nhìn xa xăm ra cánh đồng nước. Rồi mẹ tôi tiếp lời: “Lúc lâu sau thấy mẹ vẫn không ngủ được, cha con lần lần tìm bàn tay mẹ, nắm thật chặt và rầu rầu bảo:

- “Lấy tôi mình thật khổ. Những lúc điều đúng nguy nan nhất, lúc mình cần đến sự giúp đỡ của tôi nhất, thì tôi lại để mặc mình bơ vơ với lũ con thơ. Mình có giận tôi không?”

Mẹ tôi chẳng nói gì, chỉ âu yếm vuốt tóc cha tôi mà nước mắt lặng lẽ trào ra. Nằm một lúc không thấy mẹ tôi lên tiếng, cha tôi lại bảo: “Kháng chiến thành công, nếu còn sống, về làng tìm nhau nhé”. Mẹ tôi càng cảm nhận, một sự chia lìa tàn ác. Mẹ thấy lạnh người, muốn khóc òa lên thật to. Nhưng mẹ cố nghiến răng, để khỏi bật ra thành tiếng.

Hôm sau cha tôi ra đi. Người có ý tránh gặp ba chị em tôi. Cha tôi sợ mẹ tôi và các con khóc. Nhưng lúc đó, mẹ tôi chẳng những không khóc, mà còn tươi cười nói đùa với cha tôi: “Cái áo của mình tã quá rồi, mặc vào trông già hẳn đi”. Nhưng khi cha tôi rồi, còn lại một mình với ba đứa con thơ, trong ngôi nhà xa lạ, bên cánh đồng nước mênh mông, mẹ tôi bật khóc! Khóc nức nở, khóc tức tưởi, nghẹn ngào. Mẹ nghĩ giờ đây: lạ nước, lạ cái, không nhà cửa, ruộng vườn, không quen buôn bán, vốn liếng không có lấy một đồng, làm gì để nuôi con. Lòng mẹ rối bời, đau thắt và cả hoang mang, lo sợ nữa. Nhưng mẹ lại bảo: “Dù sao cũng không được để cho cha con biết nỗi lo lắng của mẹ và những khó khăn, đang chờ mẹ con mình. Nếu cha biết,

cha sẽ không yên lòng mà ra đi! Đối với cha chuyến đi này quan trọng lắm!”

Rồi sau những ngày đầu bỡ ngỡ, mẹ tôi bắt đầu bươn chải: Để ba đưa con ở nhà tự chăm sóc nhau, mẹ lao vào lo cơm, lo áo. Những ngày đầu đi mót lúa, mót khoai, sau làm hàng xay, hàng xáo. Rồi buôn chợ nhỏ, bán chợ kia... xoay đủ mọi nghề... Tuy khổ, nhưng mà sống được, và sống khỏe mạnh nữa, đúng như suy nghĩ của cha tôi, trong một đoạn nhật ký: “...Tôi nghĩ đến Liên vợ tôi, từ trước tới nay chưa bao giờ rời khỏi quê hương. Làng tôi, giặc chiếm rồi. Liên đã tay bồng, tay dắt ba con nhỏ và một bị quần áo, bỏ nhà cửa ruộng vườn ra đi, tôi đã bỏ Liên ở một nơi, đối với Liên hoàn toàn xa lạ. Liên có oán tôi không? Riêng tôi, mặc dầu có thương Liên, tôi vẫn định ninh rằng Liên sẽ chẳng chết đói đâu. Liên sẽ đói, như tôi đã đói...”

Mẹ con tôi sống ở đây hai năm, cha tôi nhân chuyến về công tác ở đồng bằng, đã ghé thăm. Đó là vào đầu mùa đông năm 1949. Và đây cũng là lần cuối cùng, cha tôi gặp lại vợ con. Lúc đó trời vừa xẩm tối, ngoài trời lất phất mưa. Bốn mẹ con đã lên giường ngồi cho ấm. Cha tôi từ bên ngoài, đột ngột bước vào nhà, tôi và Thiên thấy cha thì tíu tít vui mừng. Cha tôi cứ đứng nhìn vợ con tùm tùm cười, rồi từ từ tiến lại giường. Thiên sà vào lòng

cha, tôi khép nép ngòì bên cạnh. Còn em Thành bò thật nhanh lại chỗ mẹ, đu lầy mẹ (em lạ cha mà). Cha tôi về tối nay thì ngày mai Tây cần vào làng, phải ngòì cả ngày dưới hầm trú ẩn. Ở nhà thêm được ngày nữa rồi cha tôi đi. Cha tôi đi được ít lâu mẹ tôi ốm nghén, tháng 8 năm 1950 sinh con trai. Đặt tên là Trần Hữu Thực.

Sinh Thực xong vừa phải lo nghĩ, lại thiếu ăn nên mẹ ốm đau luôn. Năm mẹ con sống nơi đất khách quê người, làm không đủ ăn. Mẹ tôi quyết định đem con về quê. Nhưng về đến làng lại thấy hồi hận ngay, vì lúc đó đôi bên ông bà nội, ngoại đều già yếu. Họ hàng ai cũng nghèo, các chú đi theo kháng chiến vắng nhà cả, chẳng trông cậy vào đâu được. Trong khi đó ruộng vườn, nhà cửa lúc chúng tôi đi vắng: nhà dột không người ở, sợ Tây đốt. Vườn ruộng, không người làm, bỏ hoang hóa nên ông nội tôi bán đi mất rồi. Cho nên ở nơi tản cư tay trắng, về quê cũng lại trắng tay. Mà địch thì nay cần mai quét, lúc nào cũng nơm nớp những nỗi lo. Nhưng đã trót rồi không còn cách nào khác được.

Ngôi nhà của cha mẹ tôi, ông nội tôi bán cho bà quản Thái là con gái ông trương Thông ở cạnh nhà chúng tôi được ba ngàn đồng Đông Dương. Bà Thái lấy chồng ở xóm 10, làng Phù Nhị, xã Nhân Tiến, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam. Bà mang ngòì nhà

về định dựng ngay trên đất nhà chồng. Nhưng rồi sợ Tây đốt nên bà làm đà giầu ở dưới ao, làm bè cây chuối đề lên trên cho chìm hẳn xuống che mắt bọn Tây. Mãi năm 1952 bà mới vớt lên dựng nhà...

Hiện nay ngôi nhà đó vẫn còn, nó có thay đổi chút ít như:

- Trước lợp lá mía, nay lợp ngói
- Tường nhà trước là vách đất, nay xây bằng gạch.
- Chuồng cửa hai bên còn nguyên, chuồng cửa giữa bị hư hỏng có sửa chữa lại chút ít.

Ngôi nhà này có năm gian: hai gian buồng, ba gian ngoài, cột gỗ xoan ngâm kỹ, nay vẫn chưa bị mọt.

Cha mẹ tôi làm ngôi nhà này vào năm 1943, sau khi cái nhà tranh bị bão đổ. Nó là cái nhà cha mẹ tôi mua của ông Tín (ông Tín góa vợ có hai con nhỏ bị thua bạc) phải bán đi. Hôm đến dỡ nhà, về dựng trên đất nhà mình, nhìn gia cảnh cha con ông Tín, cha tôi xúc động, xót xa viết truyện "*Mua nhà*" để lên án bản thân mình "...Tôi ác quá!"

Hiện nay bà quản Thái đã mất, ngôi nhà không có người ở, chỉ có người cháu nội của bà ở gần đó trông nom.

Còn chúng tôi khi mới về thì ở cùng ông bà nội. Ở được một thời gian Tây càn đốt mất nhà, mẹ con

tôi đi ở nhờ bà con lối xóm, nay đây mai đó. Cực khổ là vậy, song chúng tôi vẫn có niềm hy vọng. Hy vọng một ngày mai kết thúc chiến tranh. Cha tôi trở về, gia đình sum họp, chúng tôi sẽ được ăn no, mặc ấm và được học hành. Mẹ tôi ngày ngày lặn lội kiếm ăn, nuôi con và hy vọng. Sáng sáng với một cái rổ sảo rồ to đội trên đầu, mẹ đi khắp làng xóm và đi xa cả ra toàn huyện đến thôn Thượng Vi, đến xã Cầu Không, xã Nguyên Lý, bến dò Yên Lệnh sang thị xã Hưng Yên. Mẹ mua bất cứ cái gì có thể bán được, từ những chùm nhãn, đến mẻ trầu không, rồi quả cau, quả na, cây mía đến buồng chuối, bó củi... Mẹ đi bộ vài chục cây số, đội trên đầu năm, sáu chục cân, mang các thứ mua được xuống tận chợ Rồng ở thành phố Nam Định bán kiếm lời. Mẹ tôi kể: “Có lần đường xa đi giữa nắng hè, vừa khát vừa mệt, muốn bỏ cái đội trên đầu xuống để nghỉ một lúc. Nhưng trời nắng quá đường vắng chả gặp được một ai, để nhờ nâng đội. Vì vậy cứ phải cố mãi, cố mãi. Thấy nghệt thở, như sắp gãy cổ đến nơi, mà không biết làm sao được”. (Quê tôi không biết gánh, toàn đội trên đầu). Mẹ tôi đội nhiều, đầu sưng bằng quả cam, lâu dần thành chai, đến lúc về già, những khi trở trời, mẹ tôi kêu đau ê ẩm trong đầu cả ngày.

Rồi bọm đạn sấm đũa, bao nhiêu lần trên đường đi, máy bay địch quần thảo, dội bom, tưởng như chết ở dọc đường, không về được đến nhà. Muốn vào chợ Rừng Nam Định, phải qua bốt Vạn Bảo. Bọn giặc khám xét, cướp tiền của, chúng còn lôi vào nhà bốt bắt nhỏ cỏ dọn dẹp cho chúng. Những hôm như vậy là mất trắng, hoặc lỗ vốn, lại sợ hãi bạt vía kinh hồn. Mỗi chuyến phải đi mua hàng ở xa như vậy, mẹ tôi vắng nhà vài ngày, tôi ở nhà lo chăm hai em. Những năm Thực còn bé, đêm em khát sữa, tôi chưa đầy mười ba tuổi, nửa đêm bế em đi. Hai chị em với một cây đèn leo lét trên tay, vòng qua mấy bờ ao, mới tới được nhà người ta, để xin cho em ngậm sữa. Còn ban ngày khi em đói, em khóc, tôi nhai bất cứ cái gì ăn được, đang có trong nhà: miếng cơm, củ khoai, đốt mía... để mớm cho em. Rồi một đợt Thành bị kiệt lý mấy tháng liền. Mỗi đêm em dậy đi ngoài năm sáu lần, tôi phải dậy theo. Thực thức giấc không thấy chị nằm bên, lại khóc lóc âm ỉ lên, gọi chị. Thế là cả ba chị em đều mất ngủ gần như hết đêm. Chúng tôi cứ sống như vậy và ngày, đêm mong ngóng cha tôi trở về. Lòng đầy hy vọng vào sự sum họp gia đình, với những ngày no ấm đầy đủ. Rồi dùng một cái, gần cuối năm 1951 có tin cha tôi hy sinh. Lúc đó lại đúng vào dịp cận kề ngày tết. Cái tết đầu tiên sau năm năm tản cư nơi đất khách quê người, được

trở về quê hương sum họp cùng ông bà đôi bên nội, ngoại và họ hàng.

Lúc đầu, là những lời đồn đại xì xào của xóm làng. Mẹ tôi bán tén, bán nghi nên hề gặp ai là cán bộ hay bộ đội lại níu kéo hỏi han. Sau đó, một cán bộ địa phương đến nói xa, nói gần. Mẹ tôi đổ gục xuống, nằm ồm mấy tháng trời. Đang khỏe mạnh, cao lớn là vậy mà bà quắt queo đi như tàu lá úa, và chả thiết làm ăn gì cả. Bà tôi vừa suốt ngày mếu máo vừa lầm rầm cầu nguyện: “Lạy đức Chúa Lời xin hãy che chở chúng con, che chở cho linh hồn của người con xấu số nơi phương xa.” Ông tôi thần thờ cả ngày, chốc chốc lại thở dài thành những tiếng rên. Hai đứa em tôi ngơ ngơ, ngác ngác nhìn những người lớn trong nhà. Chúng chưa đủ khôn để hiểu được điều gì đang xảy ra trong gia đình. Còn tôi cả ngày cắp đứa em mới tròn một tuổi bên sườn mà nước mắt lúc nào cũng nhạt nhòa.

Vậy là thay vì sự chờ đợi cha tôi trở về, thay vì được đón một cái tết sum họp, vui vẻ, no đủ, gia đình tôi lại chìm ngập trong nỗi đau mất mát. Ban ngày tôi cắp em ra vườn, nhìn sang nhà hàng xóm, thấy cảnh nhà người ta tấp nập mà thêm: những tiếng lợn kêu eng éc, tiếng gà quang quác. Người chạy đi, kẻ chạy lại trên tay nào là lá dong, nào là gạo nếp, nào là đỗ xanh... Tiếng chày giã bột để gói

bánh mật, bánh gai nện thành thịch. Bọn trẻ con thì chạy nhảy tung tăng, cười nói líu lo. Chúng mặc trên mình những cái quần mới, những cái áo đẹp. Nhìn về phía nhà mình, thấy bà ngồi khóc, thấy ông thở dài, thấy mẹ nằm ốm liệt giường. Ở một góc sân, hai đứa em lớn mặt mũi hốc hác đang ngồi ủ rũ, ỉu xiu. Chúng khoác trên người bộ quần áo vừa rách rưới, vừa bẩn thỉu. Tôi nhìn vào bếp, thấy bếp lạnh tanh. Tôi khóc òa lên nức nở, thằng em nhỏ tôi cắp bên sườn thấy chị khóc, nó cũng khóc theo. Hai chị em cứ thế ôm nhau mà khóc. Đến đêm, trong những giấc ngủ chập chờn, tôi lại nghe thấy tiếng khóc nghẹn ngào, âm thầm của mẹ. Lòng tôi thật quặn đau. Đó là những ký ức đi theo suốt cả cuộc đời.

Nhưng rồi sau đó một thời gian, mẹ tôi tỉnh tâm lại. Mẹ nghĩ bây giờ cha tôi không còn nữa, mẹ phải là chỗ dựa của các con, cả về tinh thần lẫn vật chất. Mẹ gượng dậy, làm ăn để bù đắp những thiệt thòi mất mát cho các con.

Thời gian dần trôi đi, đến tháng 4 năm 1952, Hội Văn nghệ Việt Nam tìm được địa chỉ gia đình tôi, nhờ có một anh cùng xóm tên là Đính công tác ở tỉnh Hà Nam. Nhờ đó các bác ở Hội nhắn anh Đính về báo tin chính thức là cha tôi đã hy sinh. Đồng thời, bảo mẹ tôi đưa hai con lớn là tôi và Mai

Thiên ra Xích Thổ là địa chỉ liên lạc của Hội Văn nghệ để theo đường dây ra vùng tự do đi Trung Quốc học. Nhưng lúc đó Thực mới được hơn một tuổi, tôi tự nguyện ở lại bế em cho mẹ tôi chạy chợ kiếm ăn. Mẹ tôi đưa Mai Thiên ra Xích Thổ để đi học và nhận những kỷ vật cuối cùng của cha tôi mang về.

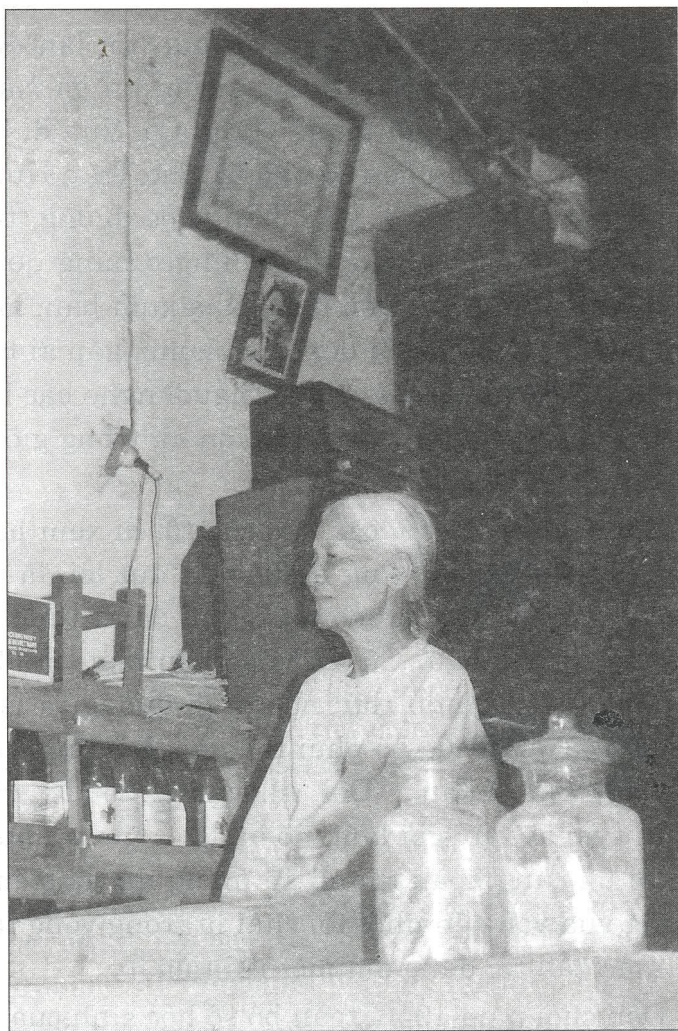
Đầu năm 1953 Thực được hơn hai tuổi, đã phải bế ẵm. Thấy tôi khao khát đòi đi học, mẹ đến gặp người cháu họ đang dạy trường cấp một ở làng, xin cho tôi đến học. Lớp học của tôi là một ngôi nhà của dân cho mượn. Sáng sáng, tôi cầm theo hai quyển vở, một cây bút và một lọ mực. Tôi công em đến thả ở ngoài sân cho em chơi. Tôi ngồi ngoài đầu hè ngôi nhà, vừa trông em, vừa nghe thầy giảng bài. Hết giờ học, tôi vội vã cắp sách vở và bế em chạy một mạch về nhà, thả ngay em xuống đất để nấu cơm, cho ba chị em ăn với nhau (tôi, Thành, Thực). Mẹ tôi suốt ngày đi vắng, như nhà thơ Tú Xương nói: *“Quanh năm buôn bán ở mom sông...”*

Năm đó quê tôi đã trở thành khu du kích, thường xuyên có cán bộ kháng chiến và bộ đội về làng. Tôi hay chở dò đưa đón anh em qua sông Châu. Còn mẹ những lúc đi bán hàng trong nội thành cũng tranh thủ mua thuốc chữa bệnh giúp đỡ cán bộ. Rồi mẹ con dành thời gian đào hầm bí

mật, để khi địch tràn vào làng, các anh, các chị cán bộ, bộ đội có chỗ tránh địch. Mẹ tôi khéo tay, may vá giỏi, cứ được lúc nào rảnh rỗi, mẹ lại may vá quần áo cho anh em. Các anh thích lắm.

Đến đầu năm 1954, em Thành được Nhà nước cho đi học ở Trung Quốc. Còn lại ba mẹ con cũng đỡ vất vả phần nào. Hơn nữa, nay em Thực được hơn ba tuổi, có thể tự chơi một mình. Tôi đi học nhưng vẫn phụ giúp được mẹ buôn bán. Mỗi sáng hai mẹ con dậy từ ba giờ, mỗi người một cái đội trên đầu, khi thì bó mía, lúc mười nải chuối, hay một bó củi mang xuống chợ Rồng Nam Định. Mẹ ở lại bán, tôi quay về dọn dẹp nhà cửa, dắt em, học bài và thổi cơm để đến trưa mẹ về có cơm ăn ngay và chiều tôi đến lớp học. Cuộc sống cứ thế bình lặng trôi đi. Rồi hòa bình lập lại, toàn dân reo hò ăn mừng chiến thắng. Hòa trong niềm hân hoan của dân tộc, có gia đình tôi. Chỉ tiếc là niềm vui của mẹ con tôi vẫn không trọn vẹn, vì chúng tôi mãi mãi mất cha.

Cuối năm 1955, cuộc cải cách ruộng đất bắt đầu. Gia đình tôi được cấp sáu sào vườn và sang năm 1956 tiểu thuyết “*Sống mòn*” của cha tôi in tại Nhà xuất bản Văn nghệ. Chúng tôi có số tiền nhuận bút, để dựng gian nhà lá trên mảnh đất đó.



Bà Nam Cao bán hàng nước
tại số nhà 16 Nguyễn Du, thành phố Nam Định

Nhớ hôm đi lĩnh tiền nhuận bút, tôi lần đầu tiên ra Hà Nội. Lên tàu từ sáng sớm tại ga Nam Định, mãi xế trưa mới tới ga Hàng Cỏ. Vừa đi bộ, vừa hỏi thăm đường đến số nhà 51 phố Trần Hưng Đạo là trụ sở của Nhà xuất bản. Dọc đường, tuy bụng đói meo, mà không dám dừng ở hàng quán nào để kiếm thức ăn. Đến được Nhà xuất bản, một bác nhận ra tôi, dẫn tôi đến các phòng, gặp ai bác cũng bảo: “Đó biết ai đây?” Mọi người nghe bác hỏi đều trả lời: “Con Nam Cao chứ còn ai, trông giống bố như tạc ấy.”

Rồi chiều hôm đó, các bác cho tôi đi xem hát. Ca sĩ hát rất hay, nhưng hễ họ vừa dứt lời, là tôi lại ngủ gật. Vì đêm trước tôi bị mẹ đánh thức cả đêm không cho ngủ. Cứ tôi vừa chợp mắt, mẹ lại gọi dậy để dặn dò đủ thứ: nào là đi đường ra làm sao, đến cơ quan của bố phải thế nào. Rồi lĩnh tiền xong cất giữ ở đâu... Đối với chúng tôi lúc đó, khoản tiền ấy quý giá lắm, nó bằng cả gia tài hiện có. Rồi tôi cũng hoàn thành sứ mạng mẹ giao cho. Nhưng vừa vào đến nhà, tôi chết lả trong vòng tay mẹ, mặc dầu tôi đang ôm một túi tiền.

Đến cuối năm 1956, toàn bộ số học sinh của ta ở Trung Quốc đều trở về nước, sống với gia đình. Trong số ấy có Thiên và Thành của chúng tôi. Cả nhà năm miệng ăn. Một mình mẹ tôi làm. Hai chị